

Phần thứ nhất

Nhận thức chung về Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người

I. Sự ra đời của Công ước

Từ nửa cuối thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX, tình hình thế giới diễn ra đầy biến động, phức tạp. Những bất ổn, chiến tranh, mâu thuẫn đã đe dọa nghiêm trọng đến hòa bình, an ninh, trật tự, sự ổn định và phát triển trên toàn cầu. Cũng chính trong bối cảnh đó, hơn bao giờ hết, quyền con người bị xâm phạm, chà đạp nghiêm trọng và cần được bảo vệ. Vì vậy, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền ngày 10/12/1948 tại Pa-ri, Cộng hòa Pháp, liệt kê các quyền cơ bản của con người và đã trở thành chuẩn mực chung về quyền con người cho tất cả các quốc gia, dân tộc, trong đó quy định: “không ai phải chịu sự tra tấn hoặc đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người”.

Tiếp đó, nhiều văn kiện quốc tế khác cũng đề cập đến quyền không bị tra tấn như: Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa; Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và hai Nghị định thư bổ sung của công ước này¹, Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng năm 1948², Tuyên bố về bảo vệ mọi người khỏi bị tra tấn và các hình thức đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục khác năm 1975, Công ước của châu Âu về nhân quyền năm 1950...

Tuyên bố về bảo vệ mọi người khỏi bị tra tấn và các hành vi đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua tại Nghị quyết số 3452 (XXX) ngày 09/12/1975 được coi là cơ sở để xây dựng Công ước chống tra tấn sau này. Theo đó, **“tra tấn”** là *“bất kỳ hành động nào gây đau đớn và khổ nhục về thân thể hay tinh thần cho một người, do chính các nhân viên công quyền hay một người khác thực*

¹ Từ Điều 4 đến Điều 21 thừa nhận các quyền dân sự, chính trị khác của con người gồm: tự do không bị bắt làm nô lệ và nô dịch, tự do không bị tra tấn, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục.

² Công ước này liệt kê một số hành vi cố ý tàn phá toàn bộ hay một phần đất nước, dân tộc, chủng tộc hay một nhóm tôn giáo như giết người hàng loạt; gây tổn hại nghiêm trọng về thể xác hoặc tinh thần cho hàng loạt người; chủ tâm bắt một nhóm người phải chịu những điều kiện sống theo dự tính trước nhằm mục đích phá hoại một phần hay toàn bộ sức khỏe của họ.

hiện theo sự xúi giục hay cho phép của quan chức chính quyền nhằm buộc nạn nhân phải thừa nhận một hành vi là do anh ta gây ra hay thực hiện, hoặc để hăm dọa nạn nhân đó hay những người khác” (Điều 1). Bản Tuyên bố khẳng định: bất kỳ người nào cho rằng mình đã bị tra tấn hoặc bị đối xử hay trừng phạt một cách tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục khác bởi hoặc theo sự thúc đẩy của một nhân viên công quyền, có quyền khiếu nại và được xem xét một cách khách quan của các cơ quan có thẩm quyền nhà nước liên quan (Điều 8); khi có căn cứ hợp lý để tin rằng một hành động tra tấn như quy định tại Điều 1 đã được thực hiện ở bất kỳ nơi nào trên lãnh thổ quốc gia, các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước liên quan phải kịp thời tiến hành một cuộc điều tra khách quan ngay cả khi chưa có khiếu nại chính thức (Điều 9); bất kỳ lời khai được xác lập là kết quả của tra tấn hoặc đối xử hay trừng phạt một cách tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục khác không thể được viện dẫn làm bằng chứng chống lại người có liên quan hoặc chống lại bất kỳ người nào khác trong bất kỳ thủ tục tố tụng nào (Điều 12).

Ngày 17/12/1979, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua các quy tắc ứng xử của cán bộ thực thi pháp luật bằng Nghị quyết số 34/169, trong đó Điều 5 quy định: “*Không cán bộ thực thi pháp luật nào có thể áp đặt, xúi giục hay dung thứ bất kỳ hành vi tra tấn, đối xử và trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục con người. Không một ai được viện dẫn lệnh cấp trên hoặc hoàn cảnh đặc biệt như tình trạng chiến tranh, đe dọa chiến tranh, đe dọa an ninh quốc gia, bất ổn chính trị trong nước hay bất kỳ một tình trạng khẩn cấp nào để biện minh cho việc tra tấn, đối xử hay sử dụng hình phạt khác tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người*”. Ngày 16/12/1982, Đại hội đồng Liên hợp quốc tiếp tục thông qua những nguyên tắc đạo đức ngành y, trong đó, đề cập tới vai trò của các nhân viên y tế, đặc biệt là các bác sĩ, trong việc bảo vệ tù nhân, người bị giam giữ khỏi những hành động tra tấn, đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người³. Cụ thể: “*Nhân viên y tế, đặc biệt là các bác sĩ mà có trách nhiệm chăm sóc y tế cho tù nhân và người bị giam giữ, có nghĩa vụ bảo vệ họ khỏi sự xâm phạm về thể chất và tinh thần và điều trị cho họ với chất lượng và tiêu chuẩn như đối với người không bị tước tự do*”; “*sẽ là ngược lại hoàn toàn với đạo đức ngành y cũng như sẽ là hành vi phạm tội theo các văn kiện pháp lý luật quốc tế hiện hành nếu nhân viên y tế, đặc biệt là các bác sĩ, tham gia một cách chủ động*

³ Nghị quyết số 37/194

hoặc thụ động vào việc tra tấn, đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người với những người bị tước tự do, bất kể với vai trò thực hiện, đồng lõa hay xúi giục”.

Trên đây là những văn kiện tiền đề quan trọng trong việc xây dựng và thông qua Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Năm 1974, chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người đã được đưa vào chương trình nghị sự của phiên họp Đại hội đồng thứ 29 và được đưa lên Ủy ban xã hội, nhân đạo và văn hóa (còn gọi là Ủy ban thứ ba) để xem xét.

Sau nhiều năm làm việc và thảo luận, tại Phiên họp lần thứ 39 của Đại hội đồng năm 1984, dự thảo Công ước cùng với bình luận của các chính phủ đã được Ủy ban thứ ba xem xét. Dự thảo nghị quyết ban đầu đã được tham vấn, chỉnh sửa nhiều lần và cuối cùng được Ủy ban thứ ba thông qua ngày 05/12/1984.

Ngày 10/12/1984, trên cơ sở đề xuất của Ủy ban thứ ba, Đại hội đồng đã thông qua Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người (Nghị quyết số 39/46) và đề nghị cho các quốc gia ký kết. Công ước có hiệu lực vào ngày 26/6/1987, sau khi được 20 quốc gia phê chuẩn theo quy định của khoản 1 Điều 27 Công ước, tức là sau khi văn kiện phê chuẩn thứ 20 được lưu chiểu. Trong quá trình thực thi Công ước, Đại hội đồng Liên hợp quốc cũng thông qua Nghị định thư không bắt buộc của Công ước chống tra tấn ngày 18/12/2002 (OPCAT) theo Nghị quyết số 57/199. Nghị định thư không bắt buộc có hiệu lực từ ngày 22/6/2006, thiết lập một hệ thống thị sát định kỳ bởi các cơ quan quốc tế và quốc gia tới các cơ sở giam giữ để ngăn chặn tra tấn hoặc các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người khác. Một tiểu ban về phòng, chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người đã được thành lập để thực hiện các chuyến thăm và hỗ trợ các quốc gia thành viên trong thực hiện các hoạt động tương tự trong phạm vi quốc gia.

Việc Đại hội đồng thông qua Công ước chống tra tấn là sự kiện lịch sử mang đậm dấu ấn tiến bộ của nhân loại trong nỗ lực bảo vệ con người khỏi bị tra tấn, là bước đột phá trong cuộc đấu tranh phòng, chống tra tấn trên toàn thế giới và là công cụ hữu hiệu để loại bỏ hoàn toàn hành vi tra tấn ra khỏi

đời sống của xã hội văn minh. Công ước chống tra tấn đã trở thành một trong 9 văn kiện cơ bản, quan trọng nhất của Liên hợp quốc về quyền con người (tính đến ngày 10/10/2024, đã có 174 quốc gia thành viên) khẳng định nỗ lực, quyết tâm chung của cộng đồng quốc tế trong cuộc đấu tranh chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục khác trên toàn thế giới.

II. Nội dung cơ bản của Công ước chống tra tấn

Công ước chống tra tấn gồm 33 điều, cấu trúc thành 03 phần với các nội dung cụ thể như sau: Từ Điều 1 đến Điều 16 quy định về khái niệm tra tấn và các nghĩa vụ của các quốc gia thành viên Công ước trong việc nghiêm cấm, trừng trị, phòng ngừa các hành vi tra tấn cũng như bảo vệ nạn nhân bị tra tấn; từ Điều 17 đến Điều 24 quy định về nghĩa vụ báo cáo của các quốc gia thành viên lên Ủy ban chống tra tấn của Liên hợp quốc và thẩm quyền của Ủy ban, hoạt động của báo cáo viên đặc biệt của Liên hợp quốc về chống tra tấn, quyền của các quốc gia về tuyên bố ký, phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước; từ Điều 25 đến Điều 33 gồm những quy định liên quan đến ký, phê chuẩn, gia nhập, hiệu lực và sửa đổi Công ước.

1. Nội dung quy định tại phần I Công ước

1.1. Khái niệm “tra tấn”

Khoản 1 Điều 1 của Công ước định nghĩa “tra tấn” như sau: “Với mục đích của Công ước này, thuật ngữ “tra tấn” có nghĩa là bất kỳ hành vi cố ý gây ra sự đau đớn hoặc khổ sở đối với một người về thể xác hoặc tinh thần, nhằm những mục đích thu thập thông tin hoặc sự nhận tội từ người đó hoặc một người thứ ba, trừng phạt người đó về một hành vi mà người đó hay người thứ ba đã thực hiện hoặc nghi ngờ đã thực hiện, đe dọa hoặc ép buộc người đó hay người thứ ba, hoặc vì bất kỳ lý do gì khác dựa trên sự phân biệt đối xử dưới mọi hình thức, khi mà sự đau đớn hoặc chịu đựng đó được gây ra bởi hoặc với sự xúi giục hoặc với sự đồng ý hoặc sự chấp thuận của một nhân viên công quyền hoặc người khác đang thực hiện công vụ. Khái niệm này không bao gồm sự đau đớn hoặc khổ sở là kết quả đương nhiên hoặc ngẫu nhiên của các hình phạt hợp pháp”.

Có thể hiểu “tra tấn” gồm những yếu tố cấu thành như sau:

a) Về hành vi: Hành vi tra tấn phải được thực hiện một cách cố ý.

Tra tấn được biểu hiện dưới nhiều hình thức như sử dụng vũ lực tác động trực tiếp lên cơ thể con người: đánh đập, đâm chém, dùng điện; tạo áp lực như: để đói, khát, ăn nhạt, hỏi dồn dập, dai dẳng dưới sức nóng của ngọn đèn cao áp giữa những ngày nóng, oi bức, bắt cởi quần áo trong trời giá rét hoặc bằng lời nói thô bạo tác động vào tâm lý, tinh thần, tình cảm làm cho một người đau đớn, khổ sở, nhục nhã về tinh thần nhằm mục đích làm cho người đó hoặc người thứ ba sợ hãi, tinh thần suy sụp để lấy thông tin, tài liệu hoặc để bắt họ phải khai nhận đã thực hiện những hành vi hoặc nói/kể ra những sự việc theo ý đồ của người thực hiện hành vi tra tấn hoặc để trừng phạt người đó vì những việc mà họ đã làm.

b) Về mục đích: Thu thập thông tin hoặc sự nhận tội từ người đó hoặc một người thứ ba, trừng phạt đe dọa hoặc ép buộc người đó hay người thứ ba về một hành vi mà người đó hay người thứ ba đã thực hiện hoặc nghi ngờ đã thực hiện, hoặc vì bất kỳ lý do gì khác. Ví dụ như trực tiếp tác động vào tinh thần của người bị tra tấn để họ phải khai báo, thú nhận, nhưng cũng có thể để tác động vào tâm lý của người thứ ba (như cha, mẹ, vợ, con, người thân khác hoặc đồng chí, đồng đội) để họ thấy sợ hãi, lo lắng, thương xót cho người bị tra tấn mà khai báo, thú nhận hoặc đưa ra những thông tin sai sự thật theo ý đồ của người thực hiện hành vi tra tấn.

“Thông tin” có thể là bất kỳ loại thông tin nào mà người thi hành công vụ cần thu thập hoặc có thể là những thông tin liên quan đến quá trình thực thi công vụ. Mặc dù Công ước không có sự giải thích chính thức, nhưng thông tin cần thu thập từ người phạm tội/tù binh/hàng binh... được hiểu là có sự liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến công vụ của người thực hiện hành vi tra tấn. Nếu việc dùng vũ lực, cưỡng ép để lấy thông tin không liên quan đến công vụ thì sẽ không đúng với bản chất của khái niệm tra tấn trong Công ước vì nhân viên công quyền chỉ có được quyền lực công khi thực thi công vụ. Mọi hoạt động nằm ngoài chức trách của một công chức không vì mục đích công vụ đều là những hoạt động của một công dân bình thường và do vậy, không đủ yếu tố để cấu thành hành vi tra tấn theo quy định tại Điều 1 của Công ước.

c) Về hậu quả: Hậu quả của hành vi tra tấn là gây đau đớn và khổ sở nghiêm trọng cho cả tinh thần và thể xác, tâm lý của người bị tra tấn.

d) Về địa điểm: Hành vi tra tấn có thể được thực hiện tại các địa điểm như trong trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước, doanh trại quân đội, trại tạm

giam, nhà tạm giữ, trại giam hoặc bất kỳ nơi nào có sự làm việc của nhân viên công quyền hoặc người đang thực hiện công vụ.

e) Về chủ thể: là một nhân viên công quyền hoặc một người khác nhưng dưới sự đồng ý hoặc cho phép của một nhân viên công quyền.

Ở đây có hai trường hợp như sau:

- Hành vi tra tấn do một nhân viên công quyền thực hiện;
- Hành vi tra tấn được một người khác thực hiện, người này có thể không phải là một nhân viên công quyền nhưng đang thực hiện nhiệm vụ công, hay nói cách khác là có quyền lực như nhân viên công quyền hoặc thực hiện dưới sự cho phép, đồng ý, chứng kiến của nhân viên công quyền.

Công ước không đưa ra khái niệm thế nào là một nhân viên công quyền (public official) nhưng theo Từ điển “Oxford Advanced Learner’s Dictionary”, nhà xuất bản đại học Oxford, Anh xuất bản năm 2004, trang 1053 từ “official” có nghĩa là người đang giữ vị trí trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức lớn và hoạt động tuân thủ các quy tắc hành chính nhà nước.

Một số điều ước quốc tế đa phương mà Việt Nam là thành viên có đưa ra khái niệm về “công chức”. Điều 2 Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng quy định: “*Công chức*” có nghĩa là: (i) Bất kỳ người nào giữ chức vụ về lập pháp, hành pháp hoặc tư pháp của một quốc gia thành viên do được bầu hay bổ nhiệm, làm việc không thời hạn hoặc có thời hạn, được trả lương hay không được trả lương, bất kể cấp bậc của người đó; (ii) Bất kỳ người nào thực hiện chức năng nhà nước, kể cả cho cơ quan hay doanh nghiệp nhà nước, hoặc cung cấp một dịch vụ công, theo quy định trong pháp luật quốc gia của quốc gia thành viên và được áp dụng trong lĩnh vực pháp luật liên quan của quốc gia thành viên đó; (iii) Bất kỳ người nào được định nghĩa là “công chức” trong pháp luật quốc gia.

Công ước cũng khuyến khích việc đưa ra một định nghĩa về hành vi tra tấn có nội dung rộng hơn khoản 2 Điều 1 Công ước trong một văn kiện pháp lý quốc tế khác hoặc pháp luật của các quốc gia.

1.2. Về nghĩa vụ nghiêm cấm các hành vi tra tấn

a) Chống tra tấn là vấn đề vừa mang tính pháp lý, vừa mang tính đạo đức, văn hóa. Ở góc độ đạo đức, văn hóa, tra tấn bị lên án như là một trong những hành vi vô nhân đạo và đê hèn nhất mà con người phạm phải với đồng loại, bởi

tra tấn phủ nhận phẩm giá, hủy hoại cả thể chất lẫn tâm hồn của nạn nhân - những người ở trong hoàn cảnh yếu thế, không thể chống cự. Ở góc độ pháp lý, theo pháp luật về nhân quyền quốc tế, tra tấn là *một trong những hình thức vi phạm nhân quyền nghiêm trọng nhất, bị chỉ trích gay gắt nhất*; còn theo pháp luật hình sự quốc tế, hành vi tra tấn thực hiện một cách có hệ thống và mang tính phổ biến tùy theo bối cảnh có thể cấu thành các tội diệt chủng, tội phạm chiến tranh hay tội phạm chống nhân loại, tức là những dạng *tội phạm quốc tế* mà thủ phạm có thể bị truy tố và xét xử theo Quy chế Rô-ma về Tòa án hình sự quốc tế năm 1998. Vì vậy, Công ước quy định nghĩa vụ của các quốc gia thành viên là tiến tới loại bỏ triệt để hành vi tra tấn trong đời sống xã hội trong Điều 2, cụ thể là: các quốc gia thành viên có nghĩa vụ phải tiến hành đồng bộ các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp và các biện pháp khác nhằm ngăn chặn hành vi tra tấn trên phạm vi lãnh thổ thuộc quyền tài phán quốc gia..

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 2 Công ước khẳng định rằng, không có bất cứ một trường hợp ngoại lệ nào có thể biện hộ cho hành vi/ hành động tra tấn, kể cả trong trường hợp một quốc gia đang trong tình trạng chiến tranh hoặc có nguy cơ chiến tranh, hoặc có sự bất ổn định về chính trị nội bộ hoặc các tình trạng khẩn cấp chung. Lịch sử thế giới đã ghi nhận trong các cuộc chiến tranh, nhiều chính quyền quốc gia, để có được các thông tin tình báo hoặc thông tin khác liên quan đến hoạt động của đối phương, thường áp dụng các biện pháp tra tấn đối với tù binh hoặc thường dân. Các chính quyền này cũng biện hộ rằng việc tra tấn này là nhằm có được thông tin để ngăn chặn những thiệt hại lớn hơn có thể xảy ra. Tuy nhiên, những biện hộ như vậy là không có căn cứ và đi ngược lại mục đích của Công ước là loại bỏ hoàn toàn hành vi tra tấn ra khỏi đời sống nhân loại. Chính vì vậy, Công ước quy định không thể sử dụng bất cứ lý do nào, dù là tình trạng khẩn cấp để biện hộ cho hành vi tra tấn. Quyền không bị tra tấn không thể bị xâm phạm trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đây là quyền tuyệt đối.

Công ước cũng quy định không được viện dẫn mệnh lệnh của một sĩ quan cao cấp hoặc một cơ quan công quyền để biện minh cho hành vi tra tấn (khoản 3 Điều 2), quy định này có thể được hiểu như sau:

- Bất kỳ một sĩ quan, quan chức, hoặc nhân viên công quyền nào đều không có quyền ra mệnh lệnh tra tấn, trừng phạt hay đối xử tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người;

- Mọi mệnh lệnh, yêu cầu (nếu có) của sĩ quan, quan chức, hoặc nhân viên công quyền về việc tra tấn, trừng phạt hay đối xử tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người đều không có hiệu lực thi hành;

- Không được chấp hành mệnh lệnh, yêu cầu (nếu có) của sĩ quan, quan chức, hoặc nhân viên công quyền để tra tấn, trừng phạt hay đối xử tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người;

- Mọi hành động tra tấn, trừng phạt hay đối xử tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người do chấp hành mệnh lệnh, chỉ đạo, yêu cầu của cấp trên *một cách mù quáng* đều bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Không thể dùng mệnh lệnh, chỉ đạo của cấp trên để biện minh cho hành động tra tấn.

b) Nhằm mục đích nghiêm cấm triệt để các hành vi tra tấn, Công ước quy định nghĩa vụ của các quốc gia thành viên phải hình sự hóa hành vi này để có thể áp dụng những hình phạt thích đáng, nhằm trừng phạt và răn đe những người thực hiện hành vi tra tấn.

Điều 4 Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên phải bảo đảm mọi hành vi tra tấn đều bị coi là tội phạm và bị truy cứu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt nghiêm khắc. Theo đó, bất kỳ nhân viên công quyền hoặc người không phải là nhân viên công quyền nhưng được sự đồng ý hay chấp thuận của một nhân viên công quyền hoặc một người khác có quyền lực như một nhân viên công quyền trong khi thực thi công vụ mà trực tiếp hoặc gián tiếp gây đau đớn về thể xác hoặc tinh thần cho người khác với mục đích để lấy thông tin, trừng phạt, gây hoảng sợ, cưỡng bức... đều trở thành chủ thể của hành vi tra tấn. Với quy định này, Công ước yêu cầu phạm vi hình sự hoá tương đối rộng, không chỉ hạn chế trong phạm vi hoạt động tố tụng mà về lý thuyết, hành vi tra tấn có thể xảy ra trong tất cả hoạt động có mang tính thực thi công quyền.

c) Bảo đảm việc xét xử các tội phạm về tra tấn sẽ được thực hiện trong phạm vi rộng nhất có thể.

Quy định về quyền tài phán này của Công ước không bắt buộc các quốc gia đi đến một “chuẩn mực chung” mà đưa ra hai sự lựa chọn: Hoặc là theo quy định của Công ước, hoặc là được áp dụng theo pháp luật quốc gia. Chính vì vậy, hầu hết các quốc gia thành viên đều quy định về quyền tài phán theo như quy định tại Điều 5 Công ước (Việt Nam cũng nằm trong số

này), tuy vậy, việc xác lập quyền tài phán của các quốc gia khác nhau không phải lúc nào và luôn được quy định giống nhau.

Hiện nay, thế giới công nhận tra tấn là một tội phạm thuộc phạm vi tài phán phổ quát, nghĩa là quốc gia có thể điều tra và truy tố một người bị nghi phạm tội tra tấn, không cần tính đến quốc tịch của bị cáo hoặc của nạn nhân hoặc không cần phải có bất kỳ mối liên hệ nào với quốc gia đó. Quan điểm này xuất phát từ nhiều điều ước khác nhau trước đó về chống bắt cóc máy bay, bắt con tin, và bảo vệ viên chức ngoại giao. Thẩm quyền phổ quát thường được mô tả như khả năng truy tố người có mặt trên lãnh thổ của một quốc gia về tội phạm thực hiện bên ngoài lãnh thổ của quốc gia đó dù không có mối liên hệ với quốc gia về quốc tịch của người bị tình nghi hoặc của người bị hại hoặc bởi việc gây nguy hại cho lợi ích của quốc gia đó. Lời nói đầu của Quy chế Rô-ma năm 1999⁴ về Tòa án hình sự quốc tế ủng hộ việc áp dụng quyền tài phán phổ quát “là nghĩa vụ của các quốc gia thực hiện thẩm quyền xét xử hình sự đối với những cá nhân chịu trách nhiệm về các tội ác quốc tế”. Mục tiêu của quyền tài phán phổ quát là tăng cường hiệu lực của luật quốc tế trong việc trừng trị những vi phạm nhất định, bao gồm và đặc biệt là các tội ác nghiêm trọng như tội diệt chủng, tội ác chống nhân loại, tội ác chiến tranh, tra tấn, hành quyết và “thủ tiêu” không qua xét xử. Cộng đồng quốc tế coi những tội ác như vậy là rất nghiêm trọng và trở thành tội ác chống lại toàn nhân loại, do đó tất cả các quốc gia có trách nhiệm đưa những tội phạm đó ra trước công lý. Căn cứ cho việc thực hiện thẩm quyền phổ quát đối với một số tội phạm quốc tế (trong đó có tội tra tấn) là các mối đe dọa mà những tội phạm này đặt ra cho pháp luật quốc tế, các giá trị pháp lý cơ bản chung của cộng đồng quốc tế và pháp luật của quốc gia nơi phát hiện các nghi phạm nếu không tiến hành các biện pháp để điều tra hoặc truy tố hoặc dẫn độ những nghi phạm này; cùng đó, những tội phạm này còn là mối đe dọa đối với hòa bình và an ninh quốc tế.

d) Ngăn ngừa khả năng hành vi tra tấn sẽ xảy ra đối với những người bị trục xuất, trao trả hoặc dẫn độ từ quốc gia mình.

Bản chất của nguyên tắc "không trao trả" thể hiện trong Điều 3 Công ước Chống tra tấn là một trong những biện pháp để ngăn ngừa tra tấn: Quốc gia không chỉ không được phép thực hiện hành vi tra tấn, mà còn không được phép buộc những người nước ngoài trở về hoặc tới một quốc gia khác,

⁴ Việt Nam chưa tham gia Quy chế này.

nếu người đó có nguy cơ bị tra tấn tại quốc gia đến. Quy định này áp dụng trong trường hợp có cơ sở chắc chắn để tin rằng người bị dẫn độ⁵, trục xuất⁶, trao trả có thể bị nguy hiểm do nguy cơ bị tra tấn. Tuy nhiên, Công ước không đưa ra khái niệm, chỉ dẫn thế nào được coi là căn cứ xác thực để tin rằng người đó sẽ bị tra tấn mà áp dụng trong từng trường hợp cụ thể, theo đó, có thể hiểu là nếu có lý do có sức thuyết phục hoặc có căn cứ để cho rằng ở nước đó có sự tồn tại việc xâm phạm quyền con người một cách trắng trợn, thô bạo.

1.3. Về trình trị các hành vi tra tấn

a) Nguyên tắc “hoặc dẫn độ, hoặc truy tố” (“aut dedere aut judicare”) là một nguyên tắc phổ biến trong pháp luật quốc tế được sử dụng nhằm tránh bỏ lọt tội phạm (khoản 1 và 2 Điều 6). Theo nguyên tắc này, một quốc gia sẽ phải truy tố người đã thực hiện hành vi phạm tội nghiêm trọng nếu như không dẫn độ người này đến một quốc gia khác. Nguyên tắc này yêu cầu các quốc gia thành viên khi có căn cứ cho rằng một người thực hiện hoặc có liên quan tới bất kỳ hành vi hoặc tội phạm theo quy định của bất kỳ quốc gia thành viên nào, nếu đang có mặt ở trên lãnh thổ của mình thì phải tiến hành bắt giữ và thực hiện các biện pháp cần thiết khác như các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật nước mình.

Tuy nhiên, khoản 3 và 4 Điều 6 cũng quy định những biện pháp bảo đảm quyền của người bị bắt giữ, tránh trường hợp nước chủ nhà lạm dụng quyền hạn của mình. Theo các quy định này, quốc gia nơi thực hiện việc bắt, tạm giữ, tạm giam, tiến hành thẩm vấn (hỏi cung, lấy lời khai) người thực hiện hành vi tra tấn và có nghĩa vụ thông báo cho quốc gia mà người đó là công dân hoặc nơi người đó thường trú cuối cùng (trong trường hợp người đó là người không quốc tịch, nhiều quốc tịch) biết. Trong thông báo phải nêu rõ về biện pháp áp dụng đối với người đó và hành vi phạm tội mà người đó đã thực hiện. Nếu cơ quan có thẩm quyền tiến hành các biện pháp hợp pháp nào thì phải nêu rõ căn cứ, lý do áp dụng biện pháp đó và thông báo kết quả thẩm vấn cho quốc gia có liên quan nói trên; đồng thời, quốc gia thực hiện việc bắt

⁵ Dẫn độ là hành vi cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia trao người cho cơ quan có thẩm quyền của quốc gia khác nhằm mục đích xét xử hoặc thi hành á

^{n.}
⁶ "Trục xuất" được dùng trong tình huống đối tượng nhập cảnh một cách hợp pháp nhưng sau đó bị buộc rời khỏi lãnh thổ, còn "trao trả" được dùng trong tình huống đối tượng nhập cảnh bất hợp pháp.

giữ người nước ngoài thực hiện hành vi phạm tội tra tấn có nghĩa vụ thông báo cho quốc gia mà người đó là công dân về thẩm quyền giải quyết vụ án của mình⁷. Nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của quốc gia đã thực hiện việc bắt giữ thì tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật hình sự, tổ tụng hình sự; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền thì giải quyết bằng điều ước quốc tế, thông lệ quốc tế hoặc con đường ngoại giao.

b) Thực thi quyền tài phán đối với tội phạm tra tấn nếu quốc gia thành viên không thực hiện dẫn độ.

Đối với người nước ngoài phạm tội tra tấn có thể ở trong những trường hợp sau:

- Người đó là nhân viên công quyền nước ngoài thực hiện hành vi tra tấn trên lãnh thổ quốc gia phát hiện và bắt người đó (đối với công dân quốc gia đó hoặc công dân của quốc gia khác);

- Người đó thực hiện hành vi tra tấn trên lãnh thổ nước ngoài, nước thứ ba nhưng bỏ trốn đến quốc gia phát hiện và bị bắt giữ. Người phạm tội này có thể là công dân của quốc gia phát hiện, cũng có thể là công dân của quốc gia nơi tội phạm được thực hiện hoặc một nước thứ ba.

Trong trường hợp không dẫn độ mà tiến hành quá trình tố tụng theo thẩm quyền pháp lý của quốc gia, việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với tội phạm này phải bảo đảm đúng trình tự tố tụng, phán quyết phải công bằng, công minh như những tội phạm khác (khoản 2 Điều 7).

Khoản 3 Điều 7 đặc biệt nhấn mạnh đến nguyên tắc đối xử công bằng trong toàn bộ quá trình tố tụng. Nguyên tắc này nhắc lại các nguyên tắc trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948 và Công ước quốc tế về quyền dân sự chính trị năm 1966 (Điều 7) là không ai có thể bị tra tấn, đối xử hoặc áp dụng hình phạt một cách tàn nhẫn, vô nhân đạo hoặc nhục hình.

c) Quy định hành vi tra tấn là một tội phạm và cần phải coi đó là một tội trong các tội được dẫn độ (Điều 8 của Công ước). Điều này có thể được

⁷ Nếu người phạm tội bị áp dụng các biện pháp giam giữ thì phải được quốc gia thực hiện biện pháp giam giữ đó giúp đỡ để liên lạc ngay với người đại diện thích hợp gần nhất của nước mà người đó là công dân, hoặc nếu người đó là người không quốc tịch thì được liên lạc với đại diện của nước mà người đó thường xuyên cư trú.

quy định trong pháp luật quốc gia hoặc trong các điều ước quốc tế song phương về dẫn độ giữa các thành viên của Công ước.

Trong trường hợp giữa hai thành viên Công ước chưa ký kết hiệp định dẫn độ thì có thể coi Công ước là cơ sở pháp lý để thực hiện dẫn độ (khoản 2). Trong trường hợp này, việc dẫn độ vẫn tuân thủ các quy định của nội luật. Quy định này nhằm tạo thêm cơ sở pháp lý trong trường hợp các thành viên quy định việc dẫn độ phải dựa trên một điều ước quốc tế đã ký kết giữa các quốc gia với nhau.

Trong trường hợp tội phạm tra tấn xảy ra trên lãnh thổ của nhiều quốc gia thành viên khác nhau thì các quốc gia phải cam kết những tội phạm đó chắc chắn phải bị xử lý.

d) Tương trợ tư pháp về hình sự: Các quốc gia thành viên có nghĩa vụ cung cấp tương trợ tư pháp trong phạm vi rộng nhất có thể để tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự đối với các tội phạm này (Điều 9).

Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, vấn đề hợp tác quốc tế là rất quan trọng, đặc biệt là hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm. Công ước nhấn mạnh nguyên tắc hợp tác quốc tế và hỗ trợ tư pháp trong hoạt động phòng ngừa và trừng trị hành vi tra tấn. Việc hỗ trợ tư pháp trong quá trình tố tụng đối với tội phạm tra tấn phải được thực hiện trong toàn bộ quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, trong đó, việc cung cấp bằng chứng cần thiết cho tố tụng là hết sức quan trọng. Hợp tác quốc tế theo Công ước là nghĩa vụ và trách nhiệm của các quốc gia thành viên. Công ước không đưa ra trình tự phải hợp tác như thế nào mà cho phép các quốc gia thực hiện nghĩa vụ này thông qua các hiệp định tương trợ tư pháp được ký kết giữa các nước.

e) Tiến hành điều tra khi cho rằng có hành vi tra tấn được thực hiện

Điều 12 của Công ước quy định: “Quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng các cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành điều tra kịp thời và công bằng khi có căn cứ xác đáng để tin rằng hành vi tra tấn đã được thực hiện trên lãnh thổ thuộc phạm vi quyền tài phán quốc gia”.

Nội dung này đã được nhắc lại trong các nguyên tắc về điều tra hiệu quả về tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo vô nhân đạo hay hạ nhục con người được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 2000. Theo đó, các quốc gia có nghĩa vụ phải tiến hành các hoạt động điều tra nhanh chóng, không thiên vị và có hiệu quả khi có cơ sở hợp lý để tin rằng

hành động tra tấn và việc đối xử tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người xảy ra trong lãnh thổ của mình. Cùng đó, việc điều tra phải bảo đảm được tính “nhanh chóng” và “vô tư, không thiên vị”. Đây là hai đặc điểm rất quan trọng đối với các cuộc điều tra liên quan đến hành vi tra tấn, trừng phạt, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo bởi vì hành vi tra tấn liên quan đến “quyền lực công” và thường gây nên những hậu quả nghiêm trọng cả về thể chất lẫn tinh thần cho nạn nhân nên cần phải sớm được loại bỏ.

1.4. Về phòng ngừa các hành vi tra tấn

a) Nghĩa vụ tuyên truyền chống tra tấn (Điều 10)

Đảm bảo về giáo dục và thông tin đầy đủ đối với việc ngăn cấm tra tấn bao gồm cả việc đào tạo đội ngũ nhân viên thực thi pháp luật, dân sự hoặc quân sự, các nhân viên y tế, các quan chức nhà nước và những người khác có thể tham gia vào việc giam giữ, thẩm vấn và đối xử với bất kỳ một cá nhân nào chịu bất cứ hình thức bắt giữ, tạm giam và bỏ tù nào là một phương thức hiệu quả, lâu dài để phòng, chống tra tấn và dẫn đi đến loại bỏ hành vi này.

Các quốc gia thành viên phải bảo đảm giáo dục, tuyên truyền đến tất cả các nhóm, tổ chức nghề nghiệp hoặc chuyên môn về bảo vệ và đối xử nhân đạo đối với tù nhân. Đối tượng được giáo dục, tuyên truyền không chỉ bao gồm các cán bộ thực thi pháp luật, mà còn bao gồm tất cả các cán bộ liên quan trong quá trình tố tụng hình sự, những người chịu trách nhiệm đối với những người bị giam giữ và các hình thức bị tước tự do khác. Bởi vì, chính những đối tượng này là những người có vai trò quyết định quan trọng đến việc có hay không hành vi tra tấn trong thực tiễn. Nếu công tác giáo dục tuyên truyền có hiệu quả, bản thân họ có nhận thức đầy đủ về hành vi tra tấn và hậu quả của nó thì trong quá trình thi hành nhiệm vụ họ sẽ có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chống tra tấn... Nhân viên y tế một mặt phải có trách nhiệm chăm sóc sức khỏe cho những người bị giam giữ, mặt khác trong quá trình làm việc họ có thể phải đối mặt đối với những nạn nhân bị tra tấn, khi đó cần thiết phải có sự công tâm của người thầy thuốc làm cơ sở trong việc chăm sóc thương tổn về thể chất và tinh thần, cung cấp chứng cứ quan trọng cho việc truy tố hành vi tra tấn của người vi phạm nếu có.

Công ước cũng yêu cầu quốc gia thành viên phải đưa ngay việc cấm hành vi tra tấn vào trong các quy tắc hay chỉ dẫn liên quan tới nhiệm vụ và chức năng của cán bộ thực thi pháp luật, nhân viên dân sự, quân sự, y tế,

nhân viên công quyền, những người có thể tham gia vào việc giam giữ, thẩm vấn hoặc đối xử khác với bất kỳ một cá nhân nào chịu bất kỳ một hình thức bắt giữ, giam cầm nào. Đây được coi là nghĩa vụ bắt buộc và đặc biệt quan trọng, để họ ý thức đầy đủ về trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

b) Bảo đảm quyền của người bị bắt, giam giữ

Một trong những biện pháp cơ bản nhất để phòng ngừa hành vi tra tấn chính là việc bảo đảm cho người bị bắt, giam giữ được tôn trọng các quyền hợp pháp của mình. Điều này đã được cụ thể hóa tại Điều 11 của Công ước, theo đó, quốc gia thành viên cần phải xem xét một cách hệ thống các quy tắc, hướng dẫn và biện pháp thẩm vấn (hỏi cung, lấy lời khai), cũng như việc bố trí giam giữ và đối xử với những người đang chịu bất kỳ hình thức bắt giữ, tạm giam, phạt tù trong lãnh thổ thuộc thẩm quyền tài phán của mình nhằm ngăn chặn sự tra tấn cũng như các hình thức đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm hoặc trừng phạt khác⁸.

c) Không sử dụng những lời khai là kết quả của hành vi tra tấn

Điều 15 của Công ước quy định: “Quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng những lời khai được xác định là kết quả của hành vi tra tấn sẽ không được sử dụng làm chứng cứ trong quá trình tố tụng, trừ trường hợp lời khai đó được sử dụng làm bằng chứng để chống lại người bị cáo buộc đã có hành vi tra tấn”.

Đây là nguyên tắc cơ bản trong hoạt động chứng minh vụ án hình sự, đòi hỏi mọi chứng cứ thu thập được phải theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Những lời khai của một người thu thập được do bị tra tấn, đe dọa hay cưỡng ép... đều không được coi là một loại chứng cứ hợp pháp để chứng minh trong vụ án hình sự. Nguyên tắc này vừa nhằm đảm bảo tính khách quan trong vụ án hình sự, bảo vệ các quyền con người trước các hành động tra tấn, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo. Để đảm bảo nguyên tắc này, các cơ quan, những người có thẩm quyền trong quá trình tiến hành tố tụng có nghĩa vụ xác định những lời khai có được có phải là kết quả của các hành động tra tấn hay không. Tuy

⁸ Theo Nghị quyết số 45/111 ngày 14/12/1990 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về “Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân” thì: “Tất cả những người bị giam giữ sẽ được tôn trọng đối xử đúng giá trị và nhân phẩm vốn có của họ” và “Ngoài việc bị giam giữ - thể hiện sự giới hạn quyền tự do thân thể, tất cả các tù nhân phải được duy trì quyền con người và các quyền tự do cơ bản khác được nêu trong bản Tuyên bố chung về nhân quyền, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hoá và Nghị định thư không bắt buộc, cũng như các quyền trong các Công ước khác của Liên hợp quốc”.

nhiên, Công ước cũng khẳng định những lời khai đó sẽ có giá trị khi được sử dụng làm chứng cứ chứng minh cho việc bị tra tấn.

d) Nghĩa vụ ngăn chặn các hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người khác

Điều 16 đưa ra quy định này nhằm đảm bảo hơn nữa quyền không bị tra tấn và đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục, kể cả trong trường hợp định nghĩa về “tra tấn” ghi nhận trong Điều 1 Công ước chưa bao quát hết được; đồng thời, đảm bảo rằng những hành động đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo khác chưa đến mức được gọi là tra tấn như khái niệm xác định ở Điều 1 đều phải được ngăn chặn, miễn là những hành động đó được thực hiện bởi, hoặc có sự xúi giục, hoặc có sự chấp thuận hoặc đồng ý của một nhân viên công quyền hoặc một người khác đang thực hiện công vụ. Công ước yêu cầu các thành viên phải tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn các hành động này trên lãnh thổ của mình. Trách nhiệm về đào tạo cán bộ, thông tin nhanh chóng, các biện pháp ngăn chặn, thẩm vấn... quy định trong các điều 10, 11, 12 và 13 Công ước được áp dụng đối với các hành vi tương tự như tra tấn hoặc các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người khác. Tuy nhiên, Công ước không đưa ra một định nghĩa cụ thể thế nào là hành vi đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục con người.

1.5. Về bảo vệ nạn nhân của hành vi tra tấn

a) Đảm bảo quyền khiếu nại, tố cáo của nạn nhân bị tra tấn (Điều 13)

Quyền khiếu nại, tố cáo ở đây gồm 4 nội dung chủ yếu sau:

- Mọi người đều có quyền được gửi khiếu nại, tố cáo đến cơ quan chức năng có thẩm quyền;

- Các khiếu nại, tố cáo cần được các cơ quan này xem xét, giải quyết một cách nhanh chóng, kịp thời, vô tư, công bằng;

- Bản thân người khiếu nại, tố cáo và nhân chứng phải được bảo vệ;

- Nhà nước không được phép ngược đãi hay đe dọa người khiếu nại, tố cáo và nhân chứng.

b) Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nạn nhân bị tra tấn (Điều 14)

Trách nhiệm hàng đầu của mỗi quốc gia khi ký kết, gia nhập Công ước là phải thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa tra tấn và các hành vi trừng phạt, đối xử vô nhân đạo. Tuy nhiên, khi có bằng chứng để kết luận rằng hành vi tra tấn đã diễn ra thì quốc gia đó phải thực hiện bồi thường thiệt hại, đền bù xứng đáng cho nạn nhân và thành viên gia đình họ.

Nghĩa vụ đền bù, bồi thường là một nội dung được ghi nhận cả trong các điều ước quốc tế về quyền con người khác⁹:

+ Điều 9 (5) Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị khẳng định: “Bất cứ người nào trở thành nạn nhân của việc bắt hoặc giam giữ bất hợp pháp đều có quyền được đền bù, bồi thường”.

+ Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ những người dưới mọi hình thức giam, giữ ghi nhận: mọi thiệt hại do hành động hoặc thiếu sót của một nhân viên công quyền đi ngược với các quyền trong tập hợp các nguyên tắc này đều phải được bồi thường theo những quy định hoặc nghĩa vụ pháp lý có thể áp dụng.

+ Tuyên bố về những Nguyên tắc tư pháp cơ bản đối với nạn nhân của hành vi phạm tội và sự lạm dụng quyền lực (*Nghị quyết số 40/34 ngày 29/11/1985 của Đại hội đồng Liên hợp quốc*) các nạn nhân của hành vi phạm tội và sự lạm dụng quyền lực cần được quyền tiếp cận tư pháp và các cơ chế bồi thường. Tuyên bố này khuyến khích việc thành lập, tăng cường và mở rộng các quỹ quốc gia để bồi thường cho các nạn nhân.

+ Các nguyên tắc cơ bản và Hướng dẫn về quyền có biện pháp giải quyết và bồi thường cho nạn nhân của các hành vi vi phạm nghiêm trọng luật nhân quyền và luật nhân đạo quốc tế (*Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc được thông qua ngày 10/11/2005*) cho rằng các nạn nhân của hành động tra tấn và những vi phạm nghiêm trọng khác về luật nhân quyền quốc tế cần được bồi thường thoả đáng, thực chất và kịp thời cho những thiệt hại phải

⁹ Nguyên tắc 1 trong Các nguyên tắc về điều tra và lập tư liệu đầy đủ về hành vi tra tấn và hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người (khuyến nghị theo Nghị quyết số 55/89 ngày 04/12/2000 của Đại hội đồng Liên hợp quốc), dựa trên Nghị định thư I-xtan-bun (Sổ tay về điều tra và lập tư liệu đầy đủ về hành vi tra tấn và hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người - bộ tài liệu đào tạo chuyên nghiệp số 8 của Liên hợp quốc, New York và Gio-ne-vơ năm 2001), nêu rõ mục đích của việc điều tra, lập tư liệu về những cáo giác liên quan đến tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người là nhằm hỗ trợ cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự và/hoặc những chế tài kỷ luật đối với những người chịu trách nhiệm và thể hiện sự cần thiết phải sửa chữa và bồi thường đầy đủ từ phía Nhà nước, bao gồm cả những bồi thường công bằng và thoả đáng về tài chính và bảo đảm các hình thức chăm sóc y tế và phục hồi chức năng.

gánh chịu; và tiếp cận thông tin liên quan đến những vi phạm và cơ chế bồi thường (Nguyên tắc 11).

+ Ngoài ra, Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân (quy tắc 35, 36), Tuyên ngôn về bảo vệ chống tra tấn và Công ước chống tra tấn đều có quy định cụ thể về vấn đề này.

Theo Công ước và các điều ước quốc tế liên quan thì việc thực hiện quyền bồi thường có hiệu quả cho nạn nhân phải bao gồm cả những thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nạn nhân dưới các hình thức như: hoàn trả (khôi phục lại tình trạng giống với trước khi bị bắt), bồi thường (cho mọi thiệt hại có thể đánh giá được về kinh tế kể cả về thể xác và tinh thần một cách công bằng và đầy đủ), phục hồi chức năng (về sức khoẻ, tâm lý và các dịch vụ pháp lý, xã hội), bồi thường thoả đáng (bao gồm cả việc công bố sự thật, xin lỗi chính thức công khai...) và đảm bảo không để tái phạm (các nguyên tắc 18, 19 - 23).

Cần lưu ý rằng phạm vi áp dụng của việc bồi thường theo Công ước không chỉ đối với nạn nhân tra tấn mà còn cả nạn nhân của các hình thức đối xử tàn bạo, vô nhân đạo khác như quy định tại Điều 16. Trong vụ Hajrizi Dzemajl kiện Nam Tư, Ủy ban chống tra tấn giải thích rằng các quốc gia thành viên cần thực hiện nghĩa vụ tích cực của mình thông qua việc bồi thường một cách công bằng và hiệu quả cho cả những nạn nhân này.

2. Nội dung quy định tại phần II Công ước

Phần II của Công ước gồm 8 điều, từ Điều 17 đến Điều 24, quy định về việc thực thi và giám sát việc thực thi Công ước, trong đó, trọng tâm là quy định về Ủy ban chống tra tấn và hoạt động của Ủy ban này.

2.1. Ủy ban chống tra tấn

Theo quy định tại Điều 17 của Công ước, Ủy ban chống tra tấn là một cơ quan gồm những chuyên gia độc lập được lựa chọn từ các thành viên của Công ước để giám sát, thúc đẩy việc thực thi Công ước. Ủy ban gồm 10 chuyên gia có phẩm chất đạo đức tốt và có năng lực cao trong lĩnh vực quyền con người. Các quốc gia thành viên có nghĩa vụ báo cáo, cập nhật với Ủy ban về các biện pháp đã áp dụng trong quá trình thực thi

Công ước¹⁰. Ủy ban sẽ tiến hành xem xét các báo cáo và đưa ra các khuyến nghị có liên quan đến thành viên đó.

Ủy ban bầu nhân sự của mình theo nhiệm kỳ 2 năm. Các nhân sự của Ủy ban có thể được bầu lại (Điều 18)¹¹. Tổng thư ký Liên hợp quốc bảo đảm về nhân sự và trang thiết bị cần thiết để Ủy ban thực hiện hiệu quả các chức năng và nhiệm vụ theo Công ước này. Các quốc gia thành viên phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc tổ chức các cuộc họp giữa các quốc gia thành viên và của Ủy ban, như các chi phí nhân sự và trang thiết bị làm việc mà Liên hợp quốc đã chi trả theo quy định tại khoản 3 Điều này. Ủy ban phải gửi báo cáo hàng năm về các hoạt động của mình theo Công ước này cho các quốc gia thành viên và cho Đại hội đồng Liên hợp quốc (Điều 24 của Công ước).

Cùng với hoạt động của Ủy ban chống tra tấn, Hội đồng nhân quyền (được thành lập theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị) có một báo cáo viên đặc biệt về những vấn đề liên quan tới tra tấn, tuy có chức năng hoàn toàn khác, nhưng cần phải phối hợp chặt chẽ với nhau. Ủy ban Công ước phối hợp với hoạt động của Báo cáo viên đặc biệt về các vấn đề liên quan đến tra tấn, nhằm trao đổi thông tin, chia sẻ trách nhiệm và tránh trùng chéo trong việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi Bên. Nhiệm vụ của báo cáo viên đặc biệt không bị hạn chế bởi các quốc gia thành viên Công ước, mở rộng ra tất cả các thành viên khác của Liên hợp quốc và tất cả các quốc gia quan sát viên. Báo cáo viên đặc biệt này có thể liên lạc với các chính phủ, yêu cầu báo cáo về các biện pháp quốc gia đã thi hành hay lên kế hoạch thi hành để ngăn chặn hoặc chống tra tấn. Báo cáo viên này cũng nhận được những yêu cầu hành động gấp và lưu ý các chính phủ về các hành vi tra tấn; đồng thời đề nghị chính phủ cho phép tiến hành cuộc đi thăm, điều tra tại chỗ ở một số nơi trên thế giới. Tuy Ủy ban có nhiệm vụ khác với Báo cáo viên đặc biệt, nhưng các hoạt động này có tác dụng hỗ trợ lẫn nhau và cùng tăng cường việc giám sát chống tra tấn.

2.2. Thẩm quyền của Ủy ban chống tra tấn

Điều tra các tố cáo về tra tấn tại các quốc gia thành viên (Điều 20).

Ủy ban chống tra tấn có thẩm quyền:

¹⁰ Việc báo cáo phải được thực hiện một năm sau khi gia nhập Công ước và tiếp đó là 4 năm một lần.

¹¹ Ủy ban sẽ soạn thảo các quy chế hoạt động của mình và phải bao gồm các nội dung sau: Ủy ban chỉ họp khi có mặt ít nhất sáu thành viên; các quyết định của Ủy ban được thông qua bằng đa số phiếu của các thành viên có mặt.

- Mời quốc gia thành viên có những thông tin liên quan tới (bị nghi ngờ) việc tra tấn đang diễn ra một cách có hệ thống trên lãnh thổ của nước đó, hợp tác để thẩm tra thông tin và làm rõ những nhận xét về thông tin có liên quan (khoản 1 Điều 20);

- Chỉ định (một hoặc hơn) thành viên của Ủy ban để tiến hành điều tra bí mật về những thông tin thích hợp để báo cáo cho Ủy ban một cách nhanh chóng (khoản 2 Điều 20);

- Thăm sát trên lãnh thổ nước này để điều tra bí mật về những thông tin cần thiết (khoản 3 Điều 20). Để thực hiện thẩm quyền này, Ủy ban phải tìm kiếm sự hợp tác của bên Nhà nước có liên quan và các chuyên gia, quan chức của Ủy ban có thể đến quốc gia đó, nhưng phải được sự đồng ý của quốc gia này;

- Sau khi xem xét những phát hiện của quan chức của Ủy ban về việc thẩm vấn bí mật thông tin, Ủy ban chuyển những phát hiện này cho bên Nhà nước có liên quan kèm theo nhận xét hoặc đề nghị thích hợp với tình hình (khoản 4 Điều 20).

Tuy nhiên, đối với thẩm quyền này của Ủy ban, Công ước cho phép các thành viên có quyền bảo lưu, không thừa nhận những “thẩm quyền” của Ủy ban quy định tại Điều 20 (Điều 28). Hiện nay, tương tự như rất nhiều quốc gia thành viên khác của Công ước, Việt Nam cũng bảo lưu, không thừa nhận thẩm quyền này của Ủy ban.

2.3. Việc công nhận thẩm quyền của Ủy ban trong việc tiếp nhận và xem xét các kiến nghị

Ủy ban cũng có thẩm quyền nhận và xem xét các khiếu nại, kháng thư của các cá nhân về việc họ bị xâm phạm, bị tra tấn hoặc các khiếu nại của các quốc gia khác (nếu quốc gia thành viên bị tố giác tuyên bố công nhận thẩm quyền của Ủy ban¹²). Trong thời hạn 6 tháng, quốc gia nhận được kháng thư phải trình nộp giải thích bằng văn bản cho Ủy ban để làm sáng tỏ vấn đề và nêu giải pháp pháp lý (nếu có) mà quốc gia đã thực hiện. Ủy ban sẽ họp kín để xem xét kháng thư nhận được và các thông tin từ các cá nhân hay đại diện của họ và từ quốc gia liên quan. Trên cơ sở đó, Ủy ban đưa ra kết luận và gửi tới các bên có liên quan.

¹² Khi gia nhập Công ước chống tra tấn, Việt Nam không tuyên bố công nhận thẩm quyền này của Ủy ban.

2.4. Báo cáo về việc thực thi Công ước

Cũng như nhiều công ước khác của Liên hợp quốc, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ phải xây dựng báo cáo quốc gia về việc thực thi Công ước¹³. Theo đó, các quốc gia thành viên phải gửi báo cáo về các biện pháp đã tiến hành để thực hiện những nghĩa vụ cam kết theo Công ước cho Ủy ban thông qua Tổng thư ký Liên hợp quốc trong thời hạn một năm sau ngày Công ước có hiệu lực với quốc gia thành viên đó. Sau đó, cứ bốn năm một lần, các quốc gia thành viên phải nộp báo cáo bổ sung về những biện pháp mới được tiến hành cũng như các báo cáo khác theo yêu cầu của Ủy ban. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ chuyển các báo cáo nêu trên tới tất cả các quốc gia thành viên. Ủy ban xem xét, đưa ra bình luận và gợi ý đối với mỗi báo cáo và nếu Ủy ban thấy phù hợp sẽ chuyển những nhận xét này tới quốc gia thành viên liên quan. Quốc gia thành viên có thể phản hồi Ủy ban về bất cứ nhận xét nào. Ủy ban có thể quyết định việc đưa những nhận xét theo quy định tại khoản 3 Điều này cùng với những phản hồi nhận được từ các quốc gia thành viên liên quan vào báo cáo hàng năm của Ủy ban theo quy định tại Điều 24. Nếu quốc gia thành viên liên quan đề nghị, Ủy ban có thể kèm theo một bản sao báo cáo được nộp theo quy định tại khoản 1 của Điều 19.

Nghĩa vụ lập báo cáo quốc gia của Công ước được quy định như một công cụ quốc tế thúc đẩy các nước thực hiện các cam kết chống tra tấn, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo. Quá trình xem xét báo cáo là nhằm thúc đẩy đối thoại và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chống tra tấn. Việc lập báo cáo còn được coi là sự thể hiện tôn trọng và bảo đảm quyền không bị tra tấn của mỗi quốc gia, khẳng định sự quyết tâm của quốc gia thành viên nhằm loại trừ hành vi tra tấn ra khỏi đời sống xã hội. Với tinh thần đó, Điều 19 yêu cầu, trong thời hạn 01 năm sau khi Công ước có hiệu lực, các quốc gia thành viên trình báo cáo đầu tiên về việc thực hiện Công ước. Cũng như quy định tại các báo cáo nhân quyền khác, báo cáo của Công ước phải nêu rõ chính sách lập pháp, hành pháp, tư pháp và các biện pháp khác của quốc gia nhằm đảm bảo cho người dân được hưởng các quyền ghi trong Công ước. Báo cáo cũng cần phản ánh được những kết quả đã đạt được và những khó khăn, trở ngại trong việc thực hiện Công

¹³ Nghĩa vụ lập các Báo cáo quốc gia thực hiện các Công ước quốc tế về quyền con người được hình thành ngay sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, khi Hội quốc liên được thành lập nhằm bảo đảm quyền lợi của nhân dân các vùng lãnh thổ chưa được độc lập, đã thiết lập cơ chế quản thác quốc tế đối với vùng lãnh thổ này. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cùng với sự ra đời của Liên hợp quốc và các thiết chế quốc tế khác, vấn đề Báo cáo quốc gia về quyền con người đã trở thành nghĩa vụ bắt buộc chung đối với tất cả các quốc gia thành viên của các Công ước quốc tế về quyền con người.

ước. Tiếp theo, các quốc gia có nghĩa vụ trình báo cáo bổ sung với thời hạn 04 năm 1 lần về những biện pháp mới tiến hành và các báo cáo khác nếu Ủy ban có yêu cầu.

Đối với các báo cáo quốc gia về việc thực thi Công ước, Ủy ban chống tra tấn có thể xem xét các báo cáo quốc gia bằng việc chỉ định một nhóm chuyên gia xem xét báo cáo trước khi Ủy ban họp. Ủy ban sẽ mời đại diện quốc gia tham dự các cuộc họp xem xét báo cáo. Ủy ban có thể đưa ra nhận xét chung có tính kết luận nếu thấy phù hợp đối với tình hình thực hiện Công ước của quốc gia đó và gửi các nhận xét cho quốc gia báo cáo. Ủy ban có nghĩa vụ phải thận trọng khi đưa ra nhận xét của mình; đồng thời, gửi bản nhận xét của Ủy ban, kèm theo báo cáo của quốc gia, nhận xét của các bên hữu quan cho các quốc gia thành viên. Ủy ban có quyền nhắc nhở quốc gia thành viên về việc chậm gửi báo cáo quốc gia.

3. Nội dung quy định tại phần III Công ước

Phần III của Công ước gồm 09 điều, từ Điều 25 đến Điều 33, quy định về hiệu lực, sửa đổi và giải quyết tranh chấp liên quan đến Công ước.

3.1. Thủ tục trở thành thành viên và hiệu lực của Công ước

Pháp luật quốc tế xác định một số hình thức phổ biến để các quốc gia có thể trở thành thành viên của điều ước. Những cách thức này đã được pháp điển hóa trong Công ước Viên về Luật điều ước năm 1969, trong đó những hình thức điển hình là ký, trao đổi văn kiện tạo thành điều ước, phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập. Điều 25 và 26 của Công ước chống tra tấn quy định các cách thức để một quốc gia có thể trở thành thành viên Công ước cũng như hiệu lực của Công ước như sau: Công ước này đề nghị cho tất cả các quốc gia ký kết. Công ước này phải được phê chuẩn. Các văn kiện phê chuẩn sẽ được gửi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc. Mọi quốc gia đều có thể gia nhập Công ước này. Việc gia nhập có hiệu lực khi văn kiện gia nhập được gửi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Theo quy định nêu trên, các hành vi tham gia vào Công ước của một quốc gia có thể được thực hiện thông qua một trong các hình thức sau: “ký”, “phê chuẩn” và “gia nhập”.

3.2. Bảo lưu

Theo quy định tại Điều 19 Công ước của Liên hợp quốc về luật điều ước quốc tế năm 1969, một quốc gia khi ký kết, phê duyệt, phê chuẩn, gia nhập điều ước có quyền bảo lưu, trừ khi:

- Điều ước đó cấm bảo lưu;
- Điều ước có quy định chỉ bảo lưu trong một số trường hợp nhất định; hoặc
- Trường hợp bảo lưu không phù hợp với mục đích và mục tiêu của điều ước mà không phải hai trường hợp nêu trên.

Điều 28 Công ước chống tra tấn quy định, quốc gia có quyền tuyên bố vào lúc ký, phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước rằng, quốc gia không công nhận thẩm quyền của Ủy ban quy định tại Điều 20 Công ước. Theo đó, quốc gia có thể tuyên bố không thừa nhận thẩm quyền của Ủy ban theo quy định tại Điều 20. Quốc gia thành viên bảo lưu theo quy định tại khoản 1 của Điều này có quyền rút lại bảo lưu tại bất kỳ thời điểm nào bằng cách thông báo cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Như vậy, Công ước thuộc loại điều ước quốc tế chỉ cho phép bảo lưu trong một số quy định nhất định. Công ước không trao quyền “bảo lưu” bất kỳ điều khoản nào cho các quốc gia mà chỉ quy định các nước có quyền không thừa nhận những thẩm quyền của Ủy ban và khi các thành viên thừa nhận thẩm quyền đó thì các thành viên này phải thực hiện thông báo về việc thừa nhận thẩm quyền đó cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

3.3. Về hiệu lực và sửa đổi Công ước

Theo quy định tại Điều 27 của Công ước, Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 30 kể từ ngày nộp văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập thứ hai mươi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc. Thực tế, Công ước đã có hiệu lực vào ngày 26/6/1987, sau khi quốc gia thứ 20 nộp văn kiện phê chuẩn (ngày 26/6 hàng năm đã được công nhận là Ngày quốc tế hỗ trợ nạn nhân bị tra tấn). Đối với quốc gia phê chuẩn hay gia nhập Công ước sau khi văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập thứ hai mươi được nộp, Công ước sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 30 kể từ ngày nộp văn kiện phê chuẩn hay gia nhập của quốc gia đó.

Công ước cũng cho phép bất kỳ quốc gia thành viên nào cũng có thể đề nghị sửa đổi Công ước theo thủ tục quy định tại Điều 29¹⁴ và gửi cho Tổng

¹⁴ “Quốc gia thành viên của Công ước này có thể đề nghị sửa đổi Công ước và gửi đề xuất sửa đổi đó

thư ký Liên hợp quốc. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ thông tin cho các Bên và xin ý kiến về việc mở một cuộc họp giữa các thành viên và bỏ phiếu cho đề nghị sửa đổi đó. Khi có 2/3 thành viên tán thành, việc sửa đổi sẽ có hiệu lực và có giá trị bắt buộc đối với những bên chấp thuận cũng như bên không chấp thuận.

3.4. Vấn đề giải quyết tranh chấp

Giải quyết tranh chấp là một vấn đề quan trọng trong mọi điều ước quốc tế, đặc biệt là các điều ước quốc tế liên quan đến bảo vệ quyền con người như Công ước chống tra tấn. Điều 30 của Công ước quy định tranh chấp giữa hai hay nhiều quốc gia thành viên liên quan đến giải thích hay áp dụng Công ước này, nếu không giải quyết được thông qua đàm phán thì một trong các bên có quyền yêu cầu trọng tài phân xử. Nếu trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày yêu cầu trọng tài phân xử mà các Bên vẫn không thể thống nhất về việc tổ chức trọng tài thì một trong các Bên có quyền đệ trình tranh chấp ra Tòa án Công lý quốc tế bằng một yêu cầu phù hợp với Quy chế của Tòa án. Vào thời điểm ký, phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước này, quốc gia thành viên có quyền tuyên bố không bị ràng buộc bởi quy định tại khoản 1 của Điều này. Quốc gia thành viên có tuyên bố bảo lưu theo quy định tại khoản 2 của Điều này có quyền rút bảo lưu tại bất kỳ thời điểm nào bằng cách thông báo cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

3.5. Các vấn đề khác liên quan đến thủ tục

Quốc gia thành viên có quyền tuyên bố rút khỏi Công ước này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Tổng thư ký Liên hợp quốc (Điều 31). Việc rút khỏi Công ước sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ ngày Tổng thư ký nhận được thông báo. Việc rút khỏi Công ước sẽ không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ theo Công ước này của quốc gia thành viên về hành động hoặc không hành động xảy ra trước ngày tuyên bố có hiệu lực; việc tuyên bố rút

cho Tổng thư ký Liên hợp quốc. Tổng thư ký ngay sau đó sẽ gửi đề xuất sửa đổi này tới các quốc gia thành viên và yêu cầu các quốc gia thành viên cho ý kiến về việc có hay không ủng hộ việc triệu tập hội nghị các quốc gia thành viên để xem xét và bỏ phiếu thông qua đề nghị. Trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày gửi đề nghị, nếu có ít nhất một phần ba số quốc gia thành viên tán thành, Tổng thư ký sẽ triệu tập hội nghị dưới sự bảo trợ của Liên hợp quốc. Đề xuất sửa đổi được đa số các quốc gia thành viên đồng ý để chấp thuận. Sửa đổi được thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ có hiệu lực khi hai phần ba số quốc gia thành viên của Công ước thông báo cho Tổng thư ký Liên hợp quốc về việc chấp thuận sửa đổi theo quy trình hợp pháp của quốc gia. Khi các sửa đổi có hiệu lực, sẽ có giá trị ràng buộc đối với những quốc gia thành viên chấp thuận sửa đổi đó, những quốc gia thành viên khác vẫn bị ràng buộc bởi những quy định của Công ước này và những sửa đổi mà họ đã chấp thuận trước đó”.

khỏi Công ước cũng không ảnh hưởng đến việc tiếp tục xem xét các vấn đề đang được Ủy ban xem xét trước ngày tuyên bố rút khỏi Công ước có hiệu lực. Sau khi tuyên bố rút khỏi Công ước của một quốc gia thành viên có hiệu lực, Ủy ban sẽ không xem xét các vấn đề mới liên quan đến quốc gia đó.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 32 của Công ước, cũng tương tự như các điều ước quốc tế khác của Liên hợp quốc, Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ thông báo cho tất cả các thành viên của Liên hợp quốc và tất cả các quốc gia đã ký hoặc gia nhập Công ước này những nội dung sau:

- Việc ký, phê chuẩn và gia nhập theo quy định tại Điều 25 và Điều 26;
- Ngày có hiệu lực của Công ước theo quy định tại Điều 27 và ngày có hiệu lực của các sửa đổi theo quy định tại Điều 29;
- Tuyên bố rút khỏi Công ước theo quy định tại Điều 31.

Công ước được lập bằng tiếng Ả Rập, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha là các ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc nhằm đảm bảo cho việc phổ biến rộng rãi Công ước trong cộng đồng quốc tế. Các văn bản đều có giá trị như nhau và được nộp cho Tổng thư ký Liên hợp quốc. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ chuyển bản sao có chứng thực của Công ước này cho tất cả các quốc gia.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH THỰC THI CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN Ở VIỆT NAM

1. Bối cảnh về thực thi Công ước chống tra tấn ở Việt Nam

1.1. Ý nghĩa của việc gia nhập Công ước chống tra tấn

Ngày 07/11/2013, tại trụ sở chính của Liên hợp quốc, Đại sứ Trưởng Phái đoàn đại diện thường trực Việt Nam tại Liên hợp quốc đã thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Ngay sau đó, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan đã khẩn trương thực hiện việc nghiên cứu, đề xuất phê chuẩn Công ước theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 và theo lộ trình đã được phê duyệt.

Đến ngày 28/11/2014, sau một năm kể từ ngày ký Công ước, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 83/2014/QH13 về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Theo đó, Việt Nam đã trở thành thành viên của 7/9 công ước cơ bản về quyền con người và một số nghị định thư của các công ước này¹⁵.

Việc phê chuẩn Công ước chống tra tấn là sự kiện chính trị pháp lý có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo vệ nhân quyền và thực hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, góp phần thiết thực thực thi Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013. Trong bối cảnh Việt Nam đang chủ động hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng Nhà nước Việt Nam pháp quyền xã hội chủ nghĩa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh thì việc phê chuẩn Công ước là sự khẳng định chính sách nhất quán

¹⁵Các công ước cơ bản về quyền con người và một số nghị định thư của các công ước này mà Việt Nam là thành viên gồm: 1) Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc; 2) Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị; 3) Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; 4) Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ; 5) Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người; 6) Công ước về quyền trẻ em; 7) Công ước về quyền của người khuyết tật. Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước về quyền trẻ em, về việc lôi cuốn trẻ em tham gia xung đột vũ trang; Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước về quyền trẻ em, về việc buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em.

của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bảo vệ quyền con người; đồng thời góp phần hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật trong nước có liên quan và tạo cơ sở pháp lý cho hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, việc tham gia và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Công ước cũng góp phần làm tăng uy tín chính trị của Nhà nước ta trên trường quốc tế, lần nữa khẳng định quyết tâm của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bảo vệ quyền con người, tranh thủ được cảm tình và sự ủng hộ của dư luận tiến bộ trên thế giới, tạo cơ sở cho việc tăng cường đối thoại và trao đổi với các nước và tổ chức quốc tế về nhân quyền.

1.2. Bối cảnh thực thi Công ước chống tra tấn tại Việt Nam

Ngay sau khi phê chuẩn, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để triển khai thực hiện Công ước chống tra tấn. Ngày 17/3/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 364/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước chống tra tấn trên toàn quốc và chỉ định Bộ Công an làm cơ quan đầu mối trong triển khai Công ước. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Bộ Công an và các Bộ, ngành khác có liên quan đã ban hành Kế hoạch triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp để thực hiện có hiệu quả Công ước chống tra tấn tại Việt Nam, trong đó tập trung vào 04 nhóm giải pháp chính, đó là:

a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật phòng, chống tra tấn và nội dung Công ước chống tra tấn

Để phổ biến, tuyên truyền Công ước và các quy định pháp luật trong nước có liên quan đạt hiệu quả cao, Việt Nam đặc biệt chú trọng nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về quyền con người và chống tra tấn. Ngày 12/01/2018, Việt Nam ban hành Đề án tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về nội dung Công ước CAT để thực hiện trên phạm vi toàn quốc. Trên cơ sở đó, các cơ quan của Việt Nam cũng đã ban hành hàng loạt kế hoạch, đề án tuyên truyền có liên quan đến nội dung Công ước CAT và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn như: Đề án tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước CAT cho lực lượng CAND năm 2020 .

Ngày 14/9/2022, Việt Nam ban hành Đề án truyền thông về quyền con người với nội dung thúc đẩy tuyên truyền pháp luật quốc tế về quyền con người để thực hiện trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt quan tâm tới 07

Công ước quốc tế cơ bản về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, bao gồm Công ước CAT.

Đặc biệt, ngày 14/2/2023, Việt Nam ban hành Quyết định số 87, trong đó nhiệm vụ “Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và đào tạo về Công ước CAT và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn, về nỗ lực, thành tựu của Việt Nam trong thực thi Công ước CAT và các khuyến nghị phù hợp của Ủy ban CAT” rất được quan tâm.

Ngoài các kế hoạch, đề án chuyên sâu về Công ước CAT, một số bộ, ngành, địa phương của Việt Nam đã lồng ghép nội dung Công ước CAT và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn vào các kế hoạch, đề án tuyên truyền những văn bản có nội dung liên quan trực tiếp đến thực hiện nội dung của Công ước CAT như BLHS 2015, BLTTHS 2015, LTHTGTG 2015, LTHAHS 2019, các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên...

Việt Nam đã tổ chức hàng trăm hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn, chương trình giảng dạy, các tin, bài, phóng sự chuyên sâu hoặc lồng ghép về Công ước CAT và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn thông qua các pano, áp phích, chương trình phát thanh, truyền hình, mạng internet ở cấp Chính phủ, cấp bộ, ngành, địa phương và cả với các đối tác nước ngoài cho hàng ngàn cán bộ thực thi công quyền và toàn thể người dân. Nội dung Công ước CAT và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn đã thường xuyên được tuyên truyền cùng với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, ví dụ như: BLHS 2015, BLTTHS 2015, LTHTGTG 2015, LTNBTNN 2017, LTHAHS 2019, LKN 2011, LTC 2018, Luật trợ giúp pháp lý và các điều ước quốc tế về quyền con người ...

Về các hoạt động biên soạn sách, tài liệu, chương trình giảng dạy, tuyên truyền:

- Việt Nam đã hoàn thành xây dựng Bộ tài liệu tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước CAT và các quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của các Bộ, ngành và 63 địa phương có liên quan (tháng 2/2020).

- Việt Nam đã phát hành 10.000 cuốn sách tuyên truyền với tựa đề “Báo cáo quốc gia lần thứ nhất của Việt Nam về thực thi Công ước CAT”

(2019) và hàng loạt cuốn sách tuyên truyền về quyền con người như: Bảo vệ quyền con người của trẻ em bằng pháp luật hình sự Việt Nam (2020), Quyền và nghĩa vụ của phạm nhân theo LTHAHS Việt Nam (2021); Các văn kiện quốc tế cơ bản về quyền con người; Cơ chế quốc tế về bảo đảm và thúc đẩy quyền con người; Cơ chế bảo đảm quyền con người ở Việt Nam; Pháp luật và cơ chế bảo vệ quyền con người ở một số nước trên thế giới.

- Việt Nam thường xuyên cập nhật giáo trình đào tạo, nhất là giáo trình đào tạo đại học (cử nhân luật), đào tạo nghiệp vụ điều tra và các môn học như “Quyền con người trong thế giới đương đại”, “Quyền con người và các yếu tố bảo đảm quyền con người”; đang triển khai Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó có quyền không bị tra tấn, quyền được bồi thường thiệt hại. Đến nay, Việt Nam đã phối hợp với Hà Lan xây dựng Tài liệu giảng dạy, tập huấn về Công ước CAT, gửi các cơ sở đào tạo để tham khảo xây dựng nội dung tài liệu, giáo trình có liên quan.

Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cao cấp của Việt Nam, đã lồng ghép nội dung Công ước CAT vào bài giảng tại Môn Nhà nước và pháp luật Việt Nam (chuyên đề số 2: Mối quan hệ giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế); Môn Công pháp quốc tế (thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ) và một số chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng tại Viện Quyền con người thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Đây là những hoạt động rất thiết thực, góp phần phổ biến, tuyên truyền và tăng cường nhận thức của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp về nội dung, tinh thần, giá trị của Công ước.

Về các hoạt động tập huấn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm:

Việt Nam đã tổ chức hàng trăm lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, cuộc thi tìm hiểu về Công ước CAT và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn, trong đó đáng chú ý như tổ chức Hội nghị cung cấp thông tin về nhân quyền và đối ngoại cho các cơ quan báo chí định kỳ hàng tháng, trong đó có nhiều chuyên đề liên quan đến Công ước CAT và pháp luật, thực tiễn của Việt Nam về phòng, chống tra tấn; tổ chức Cuộc thi video tuyên truyền Công ước CAT và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn với 2530 tác phẩm dự thi và các hoạt động tuyên truyền thông qua sân khấu hóa; 03 hội nghị dành cho khoảng 500 lượt phóng viên, biên tập viên báo chí, cán bộ quản lý thông tin và truyền thông các tỉnh về công tác nhân

quyền nói chung, trong đó có Công ước CAT; 01 đoàn 30 phóng viên báo chí Việt Nam đi viết thực tế về bảo đảm quyền của phạm nhân tại Trại giam số 6 (Nghệ An)...

Về các hoạt động báo chí tuyên truyền:

Việt Nam đã mở nhiều chuyên mục, đăng tải hàng trăm tin, bài, phóng sự tuyên truyền, phổ biến, giải đáp pháp luật liên quan đến nội dung Công ước CAT và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn trên các phương tiện thông tin truyền thông, các chương trình phát thanh, truyền hình, mạng internet, trong đó đáng chú ý như:

- Việt Nam đã đăng tải nhiều phóng sự, video clip về phòng, chống tra tấn như: “Quyền của phạm nhân” tại địa chỉ: antv.gov.vn; “Hai cựu cán bộ Công an huyện dùng nhục hình khiến bị can tử vong như thế nào” tại địa chỉ: www.thanhnien.vn; “Bắt tạm giam một đại úy thuộc Trại giam Z30D dùng nhục hình đối với phạm nhân” tại địa chỉ: vtcnw.vn.

- Việt Nam đã đăng tải hàng trăm tin, bài về phòng, chống tra tấn như: “Nâng cao trách nhiệm trong thực hiện Công ước CAT”, “Việt Nam khẳng định cam kết thực hiện hiệu quả Công ước CAT”, “CQĐT của VSKNDTC khởi tố, bắt tạm giam một cán bộ quản giáo Trại giam Z30D”. Nhiều tin bài về bồi thường thiệt hại, chống oan sai, bỏ lọt tội phạm như: “Chống oan, sai, bỏ lọt tội phạm là yêu cầu số một của mỗi Kiểm sát viên”; “Kiên quyết không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội”...

Cập nhật các chương trình đào tạo, giáo dục, tuyên truyền, phổ biến nhằm đảm bảo việc đối xử phù hợp và tôn trọng đối với phụ nữ, trẻ vị thành niên và các nhóm dân tộc thiểu số, tôn giáo hoặc các nhóm khác, góp phần ngăn ngừa hành vi tra tấn.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án hỗ trợ thông tin, truyền thông về dân tộc và tôn giáo, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 . Trên cơ sở Đề án và Chương trình này, các Bộ, ngành, địa phương của Việt Nam đã thực hiện việc trang bị hạ tầng truyền thông, bồi dưỡng nghiệp vụ truyền thông cho các lực lượng truyền thông cơ sở, sản xuất và cung cấp tài liệu chính thống bằng ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số, phục vụ

đồng bào dân tộc; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho các cán bộ làm hệ thống chính trị ở cơ sở, người có uy tín trong cộng đồng.

Việt Nam đã tổ chức hàng trăm hội nghị, hội thảo, tọa đàm, cuộc thi, lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực và kinh nghiệm; biên soạn, phát hành, đăng tải các cuốn sách, tài liệu tuyên truyền, tài liệu giảng dạy; tin, bài, phóng sự, chuyên đề về quyền con người trong đó có quyền chống tra tấn cho phụ nữ, trẻ vị thành niên và các nhóm dân tộc thiểu số, tôn giáo, trong đó đáng chú ý như:

- Việt Nam đã tổ chức hơn 800 hội thi, hội thảo, hội nghị, tập huấn, tọa đàm cung cấp thông tin và lồng ghép các nội dung tuyên truyền về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, bình đẳng giới, tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong vùng dân tộc thiểu số với sự tham gia của khoảng 80.000 lượt người; tổ chức 02 Hội nghị chuyên đề “Nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em gái”.

- Việt Nam đã xây dựng 08 chuyên mục tuyên truyền trên Đài tiếng nói Việt Nam về tuyên truyền về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, bình đẳng giới, tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong vùng dân tộc thiểu số; chuyên đề cung cấp thông tin, tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên Báo Dân tộc và Phát triển; phụ san tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật trên Tạp chí Dân tộc.

- Việt Nam xây dựng hơn 200.000 tờ rơi, tờ gấp, pano, áp phích tuyên truyền về bình đẳng giới và giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; phát hành 1500 cuốn sổ tay có nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số; phát hành “Hướng dẫn dành cho cán bộ cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về hỗ trợ công dân Việt Nam bị bạo lực giới và bị mua bán” với những lưu ý, hướng dẫn cụ thể đối với cán bộ ngoại giao khi tiếp xúc, hỗ trợ công dân bị bạo lực, bị mua bán, nhất là phụ nữ, trẻ em và người dân tộc thiểu số, để giảm thiểu tối đa tình trạng dễ bị tổn thương của họ và ngăn ngừa các nguy cơ tra tấn.

b) Nội luật hóa và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đáp ứng yêu cầu của Công ước chống tra tấn

Về nội luật hóa và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đáp ứng yêu cầu của Công ước chống tra tấn, Việt Nam được đánh giá là một trong số không nhiều quốc gia thành viên Công ước đã tích cực trong việc triển khai

các nhiệm vụ này. Trong năm 2015, cũng là năm đầu tiên triển khai thực thi Công ước, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có những sửa đổi, bổ sung mang tầm chiến lược đối với các chính sách hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế, thể hiện thông qua việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện các văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, theo đó, nhiều quy định về ngăn ngừa và trừng trị các hành vi liên quan đến tra tấn trong Công ước đã được nội luật hóa vào Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam và cả các điều ước quốc tế song phương giữa Việt Nam với các nước về dẫn độ, chuyển giao người bị kết án phạt tù. Trên cơ sở các quy định này, Việt Nam đã khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp để áp dụng trên thực tế, nhất là thông qua triển khai thí điểm việc tổ chức ghi âm, ghi hình có âm thanh trong tố tụng hình sự tại 45 cơ sở và dữ liệu ghi âm, ghi hình được coi là một phần của hồ sơ vụ án hình sự; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới nhà tạm giữ, trại tạm giam và trại giam, góp phần bảo đảm hơn nữa các quyền của người bị giam giữ; tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ thực thi công vụ, nhất là điều tra viên, quản giáo, cán bộ quản lý trại giam, trại tạm giam, cán bộ làm công tác hỗ trợ tư pháp, kiểm sát viên, thẩm phán; xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm, đặc biệt là các vi phạm pháp luật hình sự có liên quan đến tra tấn.

Từ ngày 01/11/2018 – 31/12/2022, Việt Nam ban hành hơn 56 luật và các văn bản quy phạm pháp luật, để bảo đảm tốt hơn quyền con người nói chung và ngăn ngừa, trừng trị các hành vi liên quan đến tra tấn nói riêng như: (1) LTHAHS 2019; (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2019; (3) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020; (4) Luật Cư trú năm 2020; (5) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của LXLVPHC năm 2020; (6) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2020; (7) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS năm 2021; (8) Luật Cảnh sát cơ động năm 2022; (9) Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022.

Để triển khai thi hành các luật, Việt Nam tiếp tục ban hành hơn 100 văn bản hướng dẫn nhằm chuẩn hóa các quy trình, công khai các quy định, bổ sung các chế định nhằm ngăn ngừa các hành vi tra tấn, bảo vệ những

người có nguy cơ bị tra tấn cũng như hỗ trợ tốt hơn cho nạn nhân của hành vi tra tấn trong suốt quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra, thi hành tạm giữ, tạm giam, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự, bồi thường thiệt hại

Về điều tra, truy tố, xét xử:

Việt Nam đã ban hành 34 văn bản triển khai thi hành, trong đó đáng chú ý là: Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến; Thông tư quy định trách nhiệm của lực lượng CAND trong việc thực hiện một số trình tự, thủ tục tố tụng hình sự thân thiện trong quá trình tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố, điều tra vụ án xâm hại người dưới 18 tuổi; Quy chế về công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố.

Về ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong tố tụng hình sự:

Việt Nam đã ban hành 09 văn bản triển khai thi hành, ví dụ như: Đề án về cơ sở vật chất, bộ máy, cán bộ theo lộ trình cụ thể thực hiện việc ghi âm, ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can theo quy định của BLTTHS 2015; Quyết định về quy trình thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can theo quy định của BLTTHS 2015 của lực lượng CAND; Kế hoạch về chương trình bồi dưỡng kỹ năng, tác phong, thái độ cho cán bộ hỏi cung, lấy lời khai khi thực hiện nhiệm vụ có ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh .

Về thi hành tạm giữ, tạm giam:

Việt Nam đã ban hành 08 văn bản triển khai thi hành, điển hình là: Thông tư quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm và quan hệ phối hợp khi thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải của lực lượng làm nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp trong CAND.

Về thi hành án hình sự:

Việt Nam đã ban hành 38 văn bản triển khai thi hành, cụ thể như: Nghị định quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự; Thông tư quy định về báo cáo, thống kê thi hành án hình sự tại cộng đồng; Thông tư quy định biểu mẫu, sổ sách về công tác thi hành án phạt tù, thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, theo dõi, quản lý người ở cơ sở lưu trú; Thông tư ban hành nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân trong CAND;

Thông tư ban hành Nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân trong QĐND ; Thông tư liên tịch quy định việc phối hợp trong thực hiện một số quy định của Luật Thi hành án hình sự về thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Về khám chữa bệnh trong các cơ sở giam giữ:

Việt Nam đã ban hành 04 văn bản triển khai thi hành, ví dụ như: Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế khám, chữa bệnh cho phạm nhân, trại viên, học sinh và người bị tạm giữ, tạm giam; Hướng dẫn về việc khám chữa bệnh định kỳ, điều trị cho người bị tạm giữ, tạm giam và phạm nhân; Hướng dẫn về việc bố trí buồng điều trị riêng cho người bị tạm giữ, tạm giam và phạm nhân tại các bệnh viện Quân đội. Như vậy, Việt Nam đã quy định cụ thể chế độ khám, chữa bệnh cho phạm nhân, người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

Về đặc xá:

Việt Nam đã ban hành 05 văn bản triển khai thi hành, đặc biệt là: Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đặc xá; Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đặc xá năm 2018; Quyết định ban hành các loại mẫu biểu về đặc xá.

Về khiếu nại, tố cáo:

Việt Nam đã ban hành 25 văn bản triển khai thi hành, ví dụ như: Nghị định quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong CAND; Nghị định quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong QĐND; Thông tư quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí; Thông tư quy định về công tác tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong CAND; Quy định về quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiểm tra quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; Hướng dẫn về công tác kiểm sát và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; Chỉ thị về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Tòa án nhân dân .

Về bào chữa, trợ giúp pháp lý:

Việt Nam đã ban hành 06 văn bản triển khai thi hành, ví dụ như: Thông tư ban hành quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý; Thông tư sửa đổi,

bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư quy định trách nhiệm của lực lượng CAND trong việc thực hiện các quy định của BLTTHS 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố .

Về bồi thường thiệt hại:

Việt Nam đã ban hành 09 văn bản triển khai thi hành, trong đó đáng chú ý là: Thông tư quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước; Thông tư quy định về quy trình giải quyết yêu cầu bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự, hoạt động thi hành án hình sự, hoạt động quản lý hành chính trong CAND; Hướng dẫn “Công tác quản lý việc giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại trong tố tụng hình sự thuộc trách nhiệm của VKSND”; Quyết định ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước .

Về quy tắc đạo đức nghề nghiệp:

Việt Nam đã ban hành 12 văn bản quy định về quy tắc đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của cán bộ, công chức, những điều cán bộ, công chức không được làm để nâng cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng các chuẩn mực đạo đức của những người đại diện cho công quyền , nổi bật là: Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và người lao động ngành Kiểm sát nhân dân, Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; Quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý; Quy định văn hóa giao tiếp, ứng xử của cán bộ, chiến sĩ với phạm nhân và thân nhân phạm nhân và Quy tắc ứng xử của CAND.

Về xử lý kỷ luật cán bộ, chiến sĩ, công chức và viên chức:

Việt Nam đã ban hành 06 văn bản quy định chi tiết, ví dụ như: Nghị định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư quy định việc xử lý kỷ luật trong CAND; Chỉ thị về tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ trong các tòa án nhân dân.

Về dân chủ ở cơ sở:

Thực hiện dân chủ ở cơ sở là phương thức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, để công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát các vấn đề ở cơ sở theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Việt Nam đặc biệt coi trọng, quan tâm thực hiện dân chủ trong hoạt động điều tra, thi hành tạm giữ, tạm giam, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, thi hành án hình sự, qua đó, góp phần ngăn ngừa, phát hiện, điều tra có hiệu quả các hành vi tra tấn.

Việt Nam đã ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và 18 văn bản triển khai thi hành, nổi bật là: Thông tư quy định về thực hiện dân chủ trong cơ sở giam giữ phạm nhân, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng thuộc BCA; Thông tư quy định về thực hiện dân chủ trong thi hành tạm giữ, tạm giam của lực lượng CAND; Thông tư quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động điều tra của lực lượng CAND; Thông tư quy định về thực hiện dân chủ trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng của CAND .

Về cải cách tư pháp:

Việt Nam đã ban hành 05 văn bản quy định chi tiết, ví dụ như: Chỉ thị về tăng cường công tác điều tra của CQĐT của VKSNDTC; Chỉ thị về việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự.

Về cải cách hành chính, đơn giản thủ tục hành chính:

Việt Nam đã ban hành 24 văn bản để triển khai, nổi bật là: Nghị định quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Nghị định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong CAND; “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với các mục tiêu cụ thể về tỉ lệ các dịch vụ công trực tuyến các cấp độ đến năm 2025 và 2030; Chiến lược phát triển Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025; Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp

trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử .

Về tiếp cận thông tin:

Việt Nam đã ban hành: Đề án hỗ trợ thông tin, truyền thông về dân tộc và tôn giáo ; Chương trình bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh và sáng tạo trên môi trường mạng ; Đề án nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ; Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam với nội dung thúc đẩy tuyên truyền pháp luật quốc tế về quyền con người, đặc biệt quan tâm tới 07 Công ước quốc tế cơ bản về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, bao gồm Công ước CAT. c) *Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tra tấn*

Việt Nam đã tiếp tục tích cực hợp tác với các đối tác nước ngoài như UNDP Việt Nam, Vương quốc Hà Lan, Vương quốc Bỉ trong phòng, chống tra tấn, thông qua trao đổi thông tin, kinh nghiệm về tổ chức, thực thi Công ước cũng như thực tiễn các biện pháp, phương tiện và sử dụng trang thiết bị có hiệu quả về phòng, chống tra tấn; tham gia, tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế có liên quan đến chống tra tấn, góp phần tăng cường năng lực cho cán bộ Việt Nam, đặc biệt là lực lượng Công an trong thực thi Công ước chống tra tấn.

Theo đó, Việt Nam đã phối hợp với Vương quốc Hà Lan tổ chức nhiều lớp tập huấn về Công ước CAT cho điều tra viên, giảng viên, báo cáo viên pháp luật trong CAND; phối hợp với UNODC tổ chức 01 hội thảo và 01 khóa tập huấn về Bộ Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của LHQ về đối xử với phạm nhân (Quy tắc Nelson Mandela), 02 hội thảo về công tác bảo đảm an ninh, phòng ngừa bạo lực cực đoan trong các cơ sở giam giữ; phối hợp với Quỹ toàn cầu tổ chức Hội thảo “Tăng cường kết nối, kiểm tra hoạt động dự phòng, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS trong các trại giam” cho đội ngũ y, bác sĩ trong các cơ sở giam giữ...

Theo dự kiến, đến năm 2026 và các năm tiếp theo, Vương quốc Hà Lan sẽ hỗ trợ đào tạo cho các cán bộ làm công tác giảng dạy trong Công an nhân dân về nội dung Công ước để từ đó tuyên truyền, phổ biến đến khoảng 60.000 cán bộ, chiến sĩ trong toàn lực lượng Công an.

d) Thành lập Tổ công tác liên ngành về thực hiện Công ước chống tra tấn

Việc thành lập Tổ công tác liên ngành thực hiện Công ước chống tra tấn được Việt Nam đặc biệt quan tâm, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng và bảo vệ Báo cáo quốc gia lần thứ nhất và định kỳ của Việt Nam về thực thi Công ước chống tra tấn (Báo cáo quốc gia CAT). Việc xây dựng Báo cáo quốc gia CAT, nhất là Báo cáo lần thứ nhất là nghĩa vụ của mọi thành viên Công ước, trong đó khẳng định những nỗ lực, quyết tâm và kết quả mỗi quốc gia thành viên đã đạt được trong việc triển khai thực hiện các biện pháp nhằm ngăn ngừa và trừng trị các hành vi liên quan đến tra tấn.

Để triển khai nhiệm vụ quan trọng này, Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành thành lập Ban soạn thảo, Tổ thư ký xây dựng và hoàn thiện Báo cáo quốc gia CAT lần thứ nhất. Trên cơ sở thống nhất ý kiến của các Bộ, ngành, ngày 19/4/2017, Bộ Công an có Tờ trình số 146/TTr-BST báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo quốc gia CAT lần thứ nhất. Báo cáo gồm 29.139 từ, dài 72 trang tiếng Việt, với 246 khổ, chia làm 3 phần chính, kèm theo 14 phụ lục có liên quan, đã khái quát tổng thể về bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam vào thời điểm triển khai thực hiện Công ước; những nỗ lực, quyết tâm và kết quả Việt Nam đã đạt được trong việc thực hiện các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp và các biện pháp khác nhằm ngăn ngừa và trừng trị các hành vi liên quan đến tra tấn; đồng thời, Báo cáo cũng xác định những hạn chế, thách thức khi triển khai thực hiện Công ước tại Việt Nam và dự kiến phương hướng thực thi có hiệu quả Công ước trong thời gian tới.

e) Trình bày và bảo vệ thành công Báo cáo quốc gia đầu tiên của Việt Nam về thực thi Công ước chống tra tấn

Ngày 28/4/2018, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 4399/VPCP-NC thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nội dung Báo cáo quốc gia CAT lần thứ nhất; giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thành lập Đoàn công tác liên ngành của Việt Nam trình bày và bảo vệ Báo cáo trước Ủy ban chống tra tấn của Liên hợp quốc. Việc trình bày và bảo vệ Báo cáo trước Ủy ban chống tra tấn không chỉ là trách nhiệm mà còn là cơ hội cho các quốc gia thành viên nói chung và Việt Nam nói riêng, nhằm xem xét, đánh giá, trao đổi, chia sẻ, cung cấp, cập nhật thông tin và bảo vệ các quan điểm về việc triển khai thực hiện

Công ước đã nêu trong Báo cáo quốc gia CAT lần thứ nhất. Để chuẩn bị cho việc trình bày

Báo cáo này, Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành khẩn trương triển khai đồng bộ nhiều hoạt động để xây dựng và hoàn thiện Hồ sơ bảo vệ Báo cáo với hàng trăm trang tài liệu có liên quan đến pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và việc triển khai trên thực tiễn cũng như các vấn đề khác có liên quan, bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, tiến độ, chất lượng và hiệu quả công tác.

Trên cơ sở thông báo của Ủy ban chống tra tấn, ngày 14 - 15/11/2018, Đoàn công tác liên ngành của Việt Nam đã trình bày và bảo vệ Báo cáo quốc gia CAT lần thứ nhất trong kỳ họp lần thứ 65 của Ủy ban chống tra tấn của Liên hợp quốc (Ủy ban) tại Giơ-ne-vơ, Thụy Sĩ. Tại Kỳ họp này, Việt Nam là một trong sáu quốc gia thành viên (bao gồm Ca-na-đa, Goa-tê-ma-la, Hà Lan, Ma-đi-vơ, Pê-ru và Việt Nam) thực hiện nghĩa vụ báo cáo. Đoàn công tác đã trình bày tóm tắt về các nội dung chính trong Báo cáo quốc gia CAT lần thứ nhất và cập nhật các thành tựu gần đây của Việt Nam trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người, phòng, chống tra tấn, bức cung, dùng nhục hình. Trên tinh thần đối thoại, thẳng thắn, cởi mở và xây dựng, Đoàn công tác cũng đã khẩn trương chuẩn bị các lập luận và trả lời khoảng 70 câu hỏi và bình luận, chia làm 13 nhóm vấn đề của các thành viên Ủy ban chống tra tấn về việc triển khai thực hiện Công ước ở Việt Nam, trên tất cả các phương diện lập pháp, hành pháp, tư pháp và các lĩnh vực khác theo yêu cầu của Công ước, kế hoạch triển khai thực hiện Công ước và các khuyến nghị của Ủy ban. Trong đó, tập trung vào việc hình sự hóa hành vi tra tấn, khái niệm tra tấn, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về chống tra tấn, kế hoạch tham gia Nghị định thư bổ sung Công ước, khả năng mời các báo cáo viên đặc biệt về chống tra tấn đến thăm và làm việc tại Việt Nam; vấn đề áp dụng hình phạt tử hình, điều kiện vật chất tại các cơ sở giam giữ, phân loại và chế độ của các đối tượng bị giam giữ; cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng; thời hạn tạm giam trước khi xét xử; tuyên truyền, đào tạo, nâng cao dân trí, hợp tác quốc tế; các vụ việc mà Ủy ban cho rằng đã nhận được thông tin về tình hình tra tấn tại Việt Nam. Đoàn cũng tiếp tục khẳng định lại cam kết mạnh mẽ, nhất quán của Nhà nước Việt Nam trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, tiến hành những bước đi chất lượng, vững chắc trong ngăn ngừa và trừng trị mọi

hành vi vi phạm quyền con người nói chung và có liên quan đến tra tấn nói riêng, góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả Công ước, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của Việt Nam.

g) Báo cáo giữa kỳ

Ngày 07/12/2018, Ủy ban chống tra tấn Liên hợp quốc đã ban hành Báo cáo đánh giá về việc triển khai thực hiện Công ước chống tra tấn tại Việt Nam (Báo cáo đánh giá). Bộ Công an đã khẩn trương tổ chức biên dịch, nghiên cứu các bình luận, khuyến nghị nêu trong Báo cáo đánh giá; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Báo cáo trả lời của Việt Nam đối với các bình luận và khuyến nghị này. Ngày 11/9/2020, Việt Nam đã nộp lên Ủy ban Chống tra tấn Báo cáo trả lời dài 43 trang, được xây dựng và hoàn thiện trên cơ sở bám sát từng bình luận và khuyến nghị Việt Nam cần tiếp tục thực hiện, trong đó đã cung cấp đầy đủ các lập luận, số liệu và dữ liệu chứng minh những các nội dung trả lời có liên quan, qua đó khẳng định quan điểm nhất quán và xuyên suốt của Nhà nước Việt Nam về việc nghiêm cấm tất cả các hành vi liên quan đến tra tấn, bức cung, dùng nhục hình và kiên quyết trừng trị nghiêm minh mọi hành vi vi phạm.

Ngày 20/6/2022, Bộ Công an phối hợp với Chương trình phát triển của Liên hợp quốc tại Việt Nam tổ chức Hội thảo “Chia sẻ kinh nghiệm xây dựng dự thảo Đề cương Kế hoạch hành động quốc gia để thực hiện các khuyến nghị được đưa ra đối với Việt Nam theo Công ước chống tra tấn”.

Ngày 14/2/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước CAT và các khuyến nghị phù hợp của Ủy ban chống tra tấn (Quyết định số 87/QĐ-TTg).

h) Báo cáo thứ hai

Bộ Công an đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ thư ký xây dựng Báo cáo CAT 2 gồm 48 người tại Quyết định số 2966/QĐ-BCA-V03 ngày 29/4/2022, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Báo cáo quốc gia lần thứ 2 của Việt Nam về thực thi Công ước CAT (Báo cáo CAT 2).

Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã rất nỗ lực xây dựng dự thảo Đề cương và dự thảo Báo cáo, gửi xin ý kiến 05 lần, tổ chức nhiều hội thảo, cuộc họp liên ngành và 02 Hội thảo quốc tế (với sự hỗ trợ của UNDP).

Báo cáo CAT 2 gồm 05 phần chính, dài 50 trang và 08 phụ lục kèm theo, dài 69 trang:

- Phần I về thông tin chung cập nhật tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, công tác bảo đảm nhân quyền tại Việt Nam.

- Phần II về kết quả thực hiện Công ước CAT và các khuyến nghị của Ủy ban CAT cung cấp, cập nhật thông tin, số liệu việc quan đến thực thi từng điều khoản của Công ước CAT (Điều 1 đến Điều 16) và các khuyến nghị của Ủy ban CAT, trong đó có khẳng định những nội dung của Báo cáo CAT 1 và Báo cáo giữa kỳ CAT 1 còn hiệu lực và phù hợp, đồng thời cập nhật những thông tin, số liệu về kết quả mà Việt Nam đã đạt được trong thực hiện Công ước CAT và các khuyến nghị của Ủy ban CAT cho đến ngày 31/12/2022.

- Phần III về thông tin bổ sung đối với các bình luận và khuyến nghị của Ủy ban CAT chưa được đề cập tại Phần I và II của Báo cáo này cung cấp thông tin chi tiết khẳng định cam kết của Việt Nam trong thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban CAT.

- Phần IV về kết luận khái quát lại quan điểm chính sách của Đảng, Nhà nước đối với việc thực hiện Công ước CAT và cam kết của Việt Nam về thực hiện Công ước; tóm tắt một số khó khăn, thách thức trong quá trình thực hiện Công ước CAT và khuyến nghị phù hợp của Ủy ban CAT; phương hướng thực hiện Công ước CAT và khuyến nghị của Ủy ban CAT trong thời gian tới.

- Phần V về danh mục phụ lục kèm theo (bao gồm 10 phụ lục).

Ngày 09/02/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 174/QĐ-TTg phê duyệt Báo cáo CAT 2 và Báo cáo đã được Bộ Ngoại giao gửi đến Ủy ban chống tra tấn. Hiện nay, Việt Nam đang chờ Ủy ban Chống tra tấn thông báo về lịch trình bày bảo vệ của Việt Nam trước Ủy ban. Trong bối cảnh Việt Nam đang tăng cường hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, việc tham gia và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Công ước không những góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước liên quan đến bảo vệ quyền con người, tạo cơ sở pháp lý cho hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này, mà còn phù hợp với tinh

thần nhân văn của dân tộc, phù hợp với các chủ trương, chính sách, mục tiêu quản lý xã hội của Đảng và Nhà nước; một lần nữa khẳng định chính sách nhất quán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bảo vệ quyền con người.

2. Các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến nội dung của Công ước chống tra tấn

a) Hiến pháp năm 2013

Chương II Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có 36 điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó có quyền bình đẳng trước pháp luật, không bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, không bị tra tấn...

Quyền không bị tra tấn hoặc đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người đã được quy định tại khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013, theo đó: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”.

b) Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự

- Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuy chưa quy định tội danh riêng và không đưa ra khái niệm “tra tấn” nhưng mọi hành vi có tính chất tra tấn được xác định là hành vi phạm tội, được quy định trong tội dùng nhục hình (Điều 373), tội bức cung (Điều 374), tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu (Điều 384). Pháp luật Việt Nam coi các hành vi này là rất nghiêm trọng cho xã hội, phải bị trừng trị nghiêm minh; khung hình phạt tối thiểu là 6 tháng phạt tù, tối đa là chung thân. Hành vi có tính chất tra tấn còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các tội như: Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 127); Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 137); Tội hành hạ người khác (Điều 140)¹⁶... Các lời khai, chứng cứ thu thập

¹⁶ BLHS 2015 tiếp tục quy định một số tội danh liên quan đến hành vi tra tấn như Tội giết người (Điều 123); tội bức tử (Điều 130); tội đe dọa giết người (Điều 133); tội hành hạ người khác (Điều 140); tội làm

được từ việc thực hiện các hành vi liên quan đến tra tấn đều bị hủy bỏ trong quá trình tố tụng hình sự và không được sử dụng để buộc tội đối với người tình nghi phạm tội.

- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung quy định về ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình hỏi cung bị can và có thể ghi âm, ghi hình có âm thanh khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lấy lời khai, đối chất, xét xử; quy định về người bào chữa có quyền tham gia bào chữa từ thời điểm khởi tố bị can; trường hợp bắt, tạm giữ người thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ; có mặt trong các hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, đề nghị tiến hành các hoạt động tố tụng theo luật định và quy định trực tiếp nguyên tắc: “cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người”(Điều 10); bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân (Điều 11).

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có nhiều quy định mới tiến bộ hơn như: sau khi giữ người, bắt người, nhận người bị giữ, bị bắt, cơ quan, người có thẩm quyền phải thông báo ngay cho gia đình người bị giữ, bị bắt, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập biết; trường hợp người bị giữ, người bị bắt là công dân nước ngoài thì phải thông báo cho Cơ quan ngoại giao của Việt Nam để thông báo cho Cơ quan đại diện ngoại giao của nước có công dân bị giữ, bị bắt. Nếu việc thông báo cản trở truy bắt đối tượng khác hoặc cản trở điều tra thì sau khi cản trở đó không còn, người ra lệnh giữ người, lệnh hoặc quyết định bắt người, Cơ quan điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt phải thông báo ngay (Điều 116). Khi tạm giam bị can, Cơ quan điều tra có trách nhiệm phải kiểm tra căn cước của người bị tạm giam và thông báo ngay cho gia đình người bị tạm giam, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người bị tạm giam cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam làm việc, học tập biết (Điều 119). Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và người bị bắt theo quyết định truy nã có quyền yêu cầu người bào chữa tham gia ngay từ khi bắt đầu quá trình tố

nhục người khác (Điều 155); tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 157); tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật (Điều 377); tội làm nhục đồng đội (Điều 397); tội hành hung đồng đội (Điều 398); tội ngược đãi tù binh, hàng binh (Điều 420).

tụng để bảo đảm quyền lợi, trong đó có quyền không bị bức cung, dùng nhục hình (Điều 74).

c) Một số văn bản quy phạm pháp luật khác

- Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định 04 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong tổ chức điều tra hình sự liên quan đến bảo vệ quyền của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, trong đó khẳng định: “Nghiêm cấm bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân” (Điều 14).

- Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định về việc cấm tra tấn, truy bức, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (các điều 4 và 8).

- Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định một trong các hành vi bị nghiêm cấm trong thi hành án hình sự là “tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục người chấp hành án, biện pháp tư pháp” (khoản 8 Điều 10).

- Luật Khiếu nại năm 2011 bảo đảm quyền được khiếu nại và giải quyết khiếu nại cho mọi cá nhân, tổ chức, trong đó có nạn nhân bị tra tấn; cấm cản trở, gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại; đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại (các điều 1 và 6).

- Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (Điều 33), Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (Điều 21), Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 (khoản 1 Điều 2), Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (khoản 2 Điều 2, điểm b khoản 2 Điều 3, điểm b khoản 2 Điều 4), Luật Công an nhân dân năm 2018 (khoản 2 Điều 16), Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 (Điều 26), Luật An ninh quốc gia năm 2004 (khoản 6 Điều 13), Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015 (Điều 7)... đều quy định trách nhiệm của các cơ quan và cá nhân trong bảo vệ quyền con người.

3. Một số ví dụ điển hình về vi phạm các quy định của Công ước chống tra tấn ở Việt Nam

Dưới đây là một số vụ án bức cung, dùng nhục hình ở Việt Nam đã được xét xử, thể hiện việc Việt Nam đã, đang và sẽ thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ của quốc gia thành viên được quy định trong Công ước chống tra tấn.

a) Vụ thứ nhất

Ngày 28 tháng 11 năm 2010, Đội Cảnh sát điều tra về trật tự xã hội Công an thành phố Nha Trang tiếp nhận tin báo của anh Võ Hà Trang về việc gia đình anh bị mất trộm 07 triệu đồng và 1.750 USD và nghi ngờ bà Trần Thị Lan (là người giúp việc cho gia đình anh Trang từ cuối tháng 9 năm 2009) trộm cắp số tài sản trên. Đội cảnh sát điều tra về trật tự xã hội Công an thành phố Nha Trang phân công Trần Bá Tuấn là điều tra viên và Nguyễn Đình Quyết là cán bộ trình sát xác minh tin báo.

Khoảng 10 giờ ngày 28 tháng 11 năm 2010, Trần Bá Tuấn và Nguyễn Đình Quyết đưa bà Lan đến nơi ở trọ để khám xét và lập biên bản thu giữ một số tư trang quần áo, mỹ phẩm. Sau đó Tuấn và Quyết đưa bà Lan vào phòng làm việc trên tầng 02 trụ sở Công an thành phố Nha Trang để yêu cầu bà Lan khai báo việc trộm cắp tài sản của gia đình anh Trang.

Nhằm mục đích buộc bà Lan phải khai nhận việc trộm số tiền trên của gia đình anh Trang, Tuấn và Quyết đã sử dụng gậy cao su đánh vào tay và chân bà Lan. Ngày 30 tháng 11 năm 2010, bà Trần Thị Lan ngất xỉu tại nhà tạm giữ nên đã được đưa tới bệnh viện cấp cứu trong tình trạng đa chấn thương.

Tại cơ quan điều tra, Trần Bá Tuấn và Nguyễn Đình Quyết đã khai nhận hành vi phạm tội.

- Chủ thể hành vi: Trần Bá Tuấn và Nguyễn Đình Quyết công tác tại Đội cảnh sát điều tra về trật tự xã hội Công an thành phố Nha Trang được giao nhiệm vụ xử lý tin báo của anh Võ Hà Trang về việc gia đình anh bị mất tài sản nghi do bà Trần Thị Lan (là người giúp việc cho gia đình anh Trang) thực hiện

- Hành vi: Tuấn và Quyết đã sử dụng gậy cao su đánh vào tay và chân bà Lan

- Mục đích: Buộc bà Lan phải khai nhận việc trộm số tiền trên của gia đình anh Trang

- Hậu quả: Bà Lan ngất xỉu tại nhà tạm giữ nên đã được đưa tới bệnh viện cấp cứu trong tình trạng đa chấn thương

- Hình phạt: Tại Bản án hình sự sơ thẩm ngày 09 tháng 01 năm 2012, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định xử phạt bị cáo Trần Bá Tuấn 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Quyết 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo Trần Bá Tuấn và Nguyễn Đình Quyết cho Ủy ban nhân dân phường Vạn Thạnh và phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 604; khoản 1 Điều 605; Điều 606 và Điều 609 Bộ luật dân sự. Các bị cáo Trần Bá Tuấn và Nguyễn Đình Quyết phải bồi thường cho bà Lan số tiền 3.000.000 đồng.

b) Vụ thứ hai

Khoảng 12h30 ngày 07 tháng 8 năm 2011, Trần Gòn trộm cắp tài sản ở chùa Phước Huệ thuộc khu phố 02, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận bị quần chúng nhân dân bắt quả tang. Khi bị bắt, Gòn bị quần chúng nhân dân đánh vào gáy và lưng nhưng khi đưa Gòn về Công an phường Mỹ Đông thì tình trạng sức khỏe bình thường, tinh thần tỉnh táo, không bị thương tích gì.

Lê Khắc Sáu được giao nhiệm vụ làm rõ hành vi phạm tội của Gòn. Trong quá trình lấy lời khai của Gòn tại trụ sở Công an phường Mỹ Đông và trụ sở Công an phường Mỹ Hải, Lê Khắc Sáu đã dùng chân tay, gậy cao su, dép nhựa đánh vào người, đầu và mặt gây thương tích cho Gòn vì Gòn không khai báo đúng sự thật. Gòn được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận và tử vong hồi 21h30 ngày 08 tháng 8 năm 2011. Theo kết luận của cơ quan Pháp y thì nguyên nhân trực tiếp Gòn tử vong là do bị chấn thương sọ não.

- Chủ thể hành vi: Lê Khắc Sáu đang công tác tại Công an phường Mỹ Đông, thành phố Phan Rang tỉnh Ninh Thuận được giao nhiệm vụ làm rõ hành vi phạm tội trộm cắp của Trần Gòn

- Hành vi: Sáu đã dùng chân tay, gậy cao su, dép nhựa đánh vào người, đầu và mặt gây thương tích cho Gòn

- Mục đích: Nhằm buộc Gòn khai báo đúng sự thật và thừa nhận hành vi trộm cắp của mình

- Hậu quả: Gòn tử vong là do bị chấn thương sọ não

- Hình phạt: Tại Bản án hình sự sơ thẩm ngày 08 tháng 6 năm 2012, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định: Bị cáo Lê Khắc Sáu phạm tội “Dùng nhục hình”, áp dụng khoản 2, khoản 4 Điều 298; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự với mức hình phạt là 05 năm tù. Cấm Lê Khắc Sáu đảm nhiệm các chức vụ trong ngành Công an 01 năm sau khi mãn hạn tù. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Lê Khắc Sáu đã bồi thường cho gia đình Trần Gòn số tiền 30.000.000 đồng. Công an tỉnh Ninh Thuận đã hỗ trợ cho gia đình Trần Gòn số tiền 40.000.000 đồng.

c) Vụ thứ ba

Khoảng 02h45 ngày 22 tháng 7 năm 2011, Công an thành phố Nha Trang nhận được trình báo của anh Nguyễn Tiến Minh và anh Lê Thiện Toán về việc bị mất 7.000.000 đồng khi đi mát xa tối ngày 21 tháng 7 năm 2011 và nghi ngờ người lái xe ôm tên Hùng cùng với nhân viên mát xa đã dàn dựng để lấy số tiền trên.

Công an thành phố Nha Trang đã phân công Lang Thành Dũng, cán bộ Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội thụ lý điều tra vụ việc nêu trên.

Khoảng 22h00 ngày 26 tháng 7 năm 2011, Lang Thành Dũng cùng với một số đồng đội đã khóa tay và đưa Nguyễn Trường Vũ, Trương Chí Bình là 02 đối tượng nghi vấn về trụ sở Công an thành phố Nha Trang để làm việc. Trong quá trình làm việc, do Vũ và Bình không thừa nhận hành vi phạm tội nên Lang Thành Dũng đã dùng tay và gậy cao su đánh Vũ và Bình

Đến khoảng 01 giờ ngày 27 tháng 7 năm 2011, Vũ và Bình được cho về nhà và Vũ đã đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa điều trị thương tích. Ngay sau khi ra viện, Vũ đã làm đơn tố cáo Lang Thành Dũng.

Trước Cơ quan điều tra, Lang Thành Dũng đã thừa nhận hành vi của mình.

- Chủ thể: Lang Thành Dũng, cán bộ Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố Nha Trang thụ lý điều tra vụ việc liên

quan đến Nguyễn Trường Vũ, Trương Chí Bình - 02 đối tượng nghi vấn trong một vụ trộm cắp

- Hành vi: Dũng đã dùng tay và gậy cao su đánh Vũ và Bình

- Mục đích: Nhằm buộc Vũ và Bình thừa nhận hành vi phạm tội trộm cắp của mình.

- Hậu quả: Gây thương tích cho Vũ

- Hình phạt: Tại Bản án hình sự sơ thẩm ngày 06 tháng 3 năm 2012, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định: Bị cáo Lang Thành Dũng phạm tội “Dùng nhục hình”, xử phạt Lang Thành Dũng 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lang Thành Dũng cho Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Vũ 27.000.000 đồng.

d) Vụ thứ tư

Vào tháng 8 năm 2012, ông Mùi Cẩm có đơn gửi Công an xã Tân Nhựt để tố cáo Nguyễn Hữu Phước đã có hành vi giao cấu với con gái ông là Mùi Mỹ Mỹ (sinh ngày 24 tháng 8 năm 1996).

Ngày 18 tháng 9 năm 2012, Công an xã Tân Nhựt chuyển hồ sơ vụ “giao cấu với trẻ em” và yêu cầu Nguyễn Hữu Phước cùng đến trụ sở Công an huyện Bình Chánh. Tại Đội Cảnh sát Điều tra về trật tự xã hội, Trung úy Nguyễn Hoài Việt, cán bộ điều tra (trực ban chính) và Dương Thoại Kha (trực ban phụ) đã tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu Phước ở lại công an huyện để làm việc.

Tại trụ sở Công an huyện Bình Chánh, Nguyễn Hoài Việt, Dương Thoại Kha được lãnh đạo phân công làm việc với Nguyễn Hữu Phước. Kha đã có hành vi cùm chân Phước trái pháp luật và Việt có hành vi dùng dùi cui cao su đánh Phước.

Đến khoảng 00 giờ ngày 19 tháng 9 năm 2012 thì Phước được cho về nhưng khi ra đến cổng thì Phước bị ngất và được Trần Quốc Cường hành nghề xe ôm chở Phước đi cấp cứu. Sau đó gia đình Phước làm đơn tố cáo hành vi đánh người của Việt, Kha.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y số 986/TgT.12 ngày 01/10.2012 của Trung tâm pháp y thành phố Hồ Chí Minh đối với đương sự Nguyễn Hữu Phước, xác định mức độ tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là 6%.

- Chủ thể: Nguyễn Hoài Việt, Dương Thoại Kha đều là cán bộ đang công tác tại Công an huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh được giao nhiệm vụ làm việc với Nguyễn Hữu Phước về hành vi giao cấu với con gái ông Mùi Cẩm là Mùi Mỹ Mỹ.

- Hành vi: Kha đã có hành vi cùm chân Phước trái pháp luật và Việt có hành vi dùng dùi cui cao su đánh Phước.

- Mục đích: Để Phước khai nhận về hành vi giao cấu của mình

- Hậu quả: Phước bị thương tích với mức độ tổn hại sức khỏe là 6%.

- Hình phạt: Tại Bản án hình sự sơ thẩm ngày 6 tháng 6 năm 2013, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh quyết định: Nguyễn Hoài Việt và Dương Thoại Kha phạm tội “Dùng nhục hình” theo khoản 1 Điều 298 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Hoài Việt và Dương Thoại Kha 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án. Giao 02 bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Việt đã bồi thường 22.000.000 đồng theo yêu cầu của Nguyễn Hữu Phước.

PHẦN THỨ BA

KỸ NĂNG CẦN THIẾT ĐỂ PHÒNG, CHỐNG HÀNH VI TRA TẤN TRONG THI HÀNH CÔNG VỤ CỦA CÁN BỘ, CHIẾN SĨ CÔNG AN

Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân là người đại diện cho Nhà nước, cho các cơ quan công quyền trong phòng, chống tội phạm vì vậy, họ phải là những người hiểu biết và áp dụng đúng pháp luật; khách quan trong quá trình thực hiện công vụ. Để đạt được như vậy, cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân phải là những người giỏi kiểm chế các cảm xúc, thành kiến cá nhân, tránh để các yếu tố cá nhân gây ảnh hưởng đến các hoạt động công vụ của mình và giữ được tính khách quan trong thực thi công vụ; đồng thời, phải sử dụng thành thạo các phương tiện khoa học, kỹ thuật hiện đại hỗ trợ công tác nhằm góp phần tăng hiệu quả và tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ. Như vậy, cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân bị đặt trước áp lực phải hoàn thành nhiệm vụ của mình theo thời hạn luật định và phải đảm bảo tính chính xác, khách quan của các hoạt động, đặc biệt là trong tố tụng. Với yêu cầu đó, các kỹ năng trong các hoạt động của điều tra viên, cán bộ điều tra, cán bộ chiến sĩ công an khi thực thi nhiệm vụ thực sự rất cần thiết trong phòng, chống tội phạm nói chung và phòng, chống các vi phạm về tra tấn, và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người nói riêng trong thực thi công vụ. Để phòng, chống tội phạm hiệu quả, tránh vi phạm các quy định cấm của Việt Nam và quốc tế trong lĩnh vực nhân quyền, cụ thể là “cấm tra tấn”, cấm bức cung, dùng nhục hình, tất cả các cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân phải tăng cường nâng cao các kỹ năng sau:

1. Hiểu biết, nắm vững kiến thức pháp luật

Yêu cầu đầu tiên, cơ bản đối với tất cả những người thực thi công vụ, đại diện cho Nhà nước, công quyền: Cơ quan hành chính, cơ quan tư pháp, cơ quan hành pháp... là phải hiểu biết, nắm vững kiến thức pháp luật nói chung và kiến thức pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực mình quản lý. Như các lĩnh vực công tác khác của người thực thi công vụ, các kỹ năng của cán bộ, chiến sĩ Công an trong lĩnh vực phòng chống tra tấn đòi hỏi phải được rèn luyện, học tập thường xuyên, liên tục. Việc hình thành các kỹ năng đảm bảo công vụ luôn phải xuất phát từ nhận thức về nhiệm vụ, trách

nhiệm, trình tự thực hiện các hoạt động điều tra, xử lý tội phạm, hoạt động giáo dục và cải tạo phạm nhân.

Yêu cầu về hiểu biết pháp luật đối với cán bộ chiến sĩ Công an trong phòng, chống hành vi tra tấn có thể chia thành các lĩnh vực pháp luật sau đây:

- Kiến thức pháp luật trong lĩnh vực pháp luật quốc tế, đặc biệt là trong lĩnh vực nhân quyền;

- Kiến thức pháp luật trong lĩnh vực hình sự và tố tụng hình sự;

- Kiến thức trong lĩnh vực pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự;

- Kiến thức pháp luật trong lĩnh vực hành chính về khiếu nại, tố cáo có liên quan đến người tham gia tố tụng.

1.1. Kiến thức pháp luật trong lĩnh vực pháp luật quốc tế đặc biệt là trong lĩnh vực nhân quyền

Trong yêu cầu tăng cường ý thức pháp luật và xây dựng nhà nước pháp quyền, cán bộ chiến sĩ Công an cần xác định các kiến thức, hiểu biết về pháp luật quốc tế về nhân quyền, phòng chống tra tấn là cần thiết cho nhận thức và thực thi công vụ nói chung và trong phòng, chống tra tấn nói riêng. Trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, hiểu biết và nắm vững kiến thức pháp luật quốc tế là một yêu cầu cần thiết của tất cả các cán bộ, nhân viên Nhà nước, đặc biệt là điều tra viên, cán bộ điều tra và những cán bộ chiến sĩ công tác trong lĩnh vực tạm giữ, tạm giam. Cán bộ, chiến sĩ Công an khi thực thi công vụ cần lưu ý:

(1) Theo quy định của Công ước chống tra tấn, không trường hợp ngoại lệ nào có thể được viện dẫn để biện minh cho hành vi tra tấn, kể cả tình trạng chiến tranh hoặc có nguy cơ chiến tranh, sự bất ổn về chính trị trong nước hoặc các tình trạng khẩn cấp khác.

(2) Mệnh lệnh của một sĩ quan cao cấp hoặc công quyền cũng không thể được viện dẫn để biện minh cho hành vi tra tấn.

Việc nhận thức rõ trách nhiệm của quốc gia khi là thành viên của Công ước cũng có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, chiến sĩ công an.

1.2. Kiến thức pháp luật trong lĩnh vực hình sự và tố tụng hình sự

Cụ thể hóa quy định tại các khoản 1, 2 Điều 20 Hiến pháp năm 2013, nội luật hóa các quy định phù hợp của các công ước quốc tế về bảo vệ quyền con người mà Việt Nam là thành viên. Hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quy định rõ các hành vi bị cấm, các chế tài, biện pháp xử lý liên quan đến việc vi phạm các quy định về cấm tra tấn, và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, cán bộ, chiến sĩ Công an cần tích cực chủ động nghiên cứu, cập nhật các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt chú ý:

(1) Cấm tra tấn trong Bộ luật Hình sự năm 2015: Tội bức cung (Điều 374); tội dùng nhục hình (Điều 373); tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu (Điều 384)¹⁷;...

(2) Cấm tra tấn trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe con người (Điều 10); bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân (Điều 11); quy định về ghi âm, ghi hình có âm thanh trong hỏi cung bị can (Điều 183)...

Điều tra viên, cán bộ điều tra, chiến sĩ Công an cần nắm vững các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Tố tụng hình sự, quán triệt được các nguyên tắc này sẽ tránh được những vi phạm pháp luật về chống tra tấn theo quy định của Công ước chống tra tấn. Cụ thể là: Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân (Điều 8); Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 10); Bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự,

¹⁷ - Tội dùng nhục hình (Điều 373): Bộ luật Hình sự nghiêm cấm trong hoạt động tố tụng, thi hành án hoặc thi hành các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm của người khác dưới bất kỳ hình thức nào.

- Tội bức cung (Điều 374): Bộ luật Hình sự nghiêm cấm mọi hành vi trong hoạt động tố tụng mà sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc.

- Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu (Điều 384): Bộ luật Hình sự nghiêm cấm mọi hành vi mua chuộc hoặc cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự, kinh tế, lao động khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu; mua chuộc hoặc cưỡng ép người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc.

- Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 127). Bộ luật Hình sự nghiêm cấm các hành vi của mọi chủ thể thi hành công vụ kể cả điều tra viên, cán bộ điều tra, chiến sĩ Công an trong khi thi hành công vụ mà làm chết người do dùng vũ lực ngoài những trường hợp pháp luật cho phép.

nhân phẩm, tài sản của cá nhân; danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân (Điều 11); nguyên tắc suy đoán vô tội (Điều 13); Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự (Điều 16).

Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, việc bắt, tạm giữ, tạm giam người phải theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người¹⁸.

Với tư cách là thành viên của hầu hết các công ước quốc tế phổ quát về quyền con người trong đó có Công ước chống tra tấn, hệ thống pháp luật Việt Nam luôn bảo đảm các quyền con người cơ bản của những người bị bắt, bị can, bị cáo, người bị tạm giam hay người đang chấp hành án phạt tù. Những người này bị tước một số quyền tự do theo quy định của pháp luật nhưng họ vẫn được bảo đảm các quyền cơ bản của công dân như: quyền được sống, được bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền được khiếu nại, tố cáo, quyền được thông tin học tập, quyền không bị tra tấn, bị đối xử, trừng phạt vô nhân đạo.

Đặc biệt đáng chú ý là: Nguyên tắc tuân thủ pháp luật trong hoạt động điều tra (Điều 19 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015). Mọi hoạt động điều tra phải tôn trọng sự thật, tiến hành khách quan, toàn diện và đầy đủ; phát hiện nhanh chóng, chính xác mọi hành vi phạm tội, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án.

Việc nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật về chống tra tấn của cán bộ là yêu cầu cần thiết, đặc biệt là đối với cán bộ, chiến sĩ của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam. Thời gian qua, đã xảy ra một số vụ án có dấu hiệu oan sai đều có liên quan đến việc sử dụng các hành vi tra tấn, bức cung, dùng nhục hình để ép nhận tội, gây bức xúc dư luận, giảm lòng tin của nhân dân đối với hoạt động tố tụng của cơ quan nhà nước.

¹⁸ Điều 10 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tình trạng này cần nhanh chóng chấm dứt; tránh gây ảnh hưởng đến hình ảnh của người cán bộ, chiến sĩ Công an trong nhân dân.

Như vậy, điều tra viên, cán bộ điều tra cần lưu ý, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tố tụng, ví dụ như:

+ Thời điểm tham gia tố tụng của người bào chữa. Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trường hợp bắt, tạm giữ người thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ .

+ Người bị bắt, bị tạm giữ, bị can có quyền lựa chọn và thay đổi người bào chữa theo quy định của pháp luật.

+ Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế phải luôn tuân thủ đúng luật và đảm bảo quyền con người trong tố tụng hình sự: phải đúng thẩm quyền, thủ tục và trình tự.

+ Mỗi lần hỏi cung bị can đều phải lập biên bản. Biên bản hỏi cung bị can được lập theo quy định tại Điều 178 của Bộ luật Tố tụng hình sự; phải ghi đầy đủ lời trình bày của bị can, các câu hỏi và câu trả lời. Nghiêm cấm điều tra viên, cán bộ điều tra tự mình thêm, bớt hoặc sửa chữa lời khai của bị can.

(3) Cấm tra tấn trong điều tra

Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 nghiêm cấm 05 nhóm hành vi, trong đó có 04 nhóm hành vi liên quan đến bảo vệ quyền của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can (Điều 14), cụ thể là:

+ Nghiêm cấm làm sai lệch hồ sơ vụ án; truy cứu trách nhiệm hình sự người không có hành vi phạm tội; không truy cứu trách nhiệm hình sự người có hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự; ra quyết định trái pháp luật; ép buộc người khác làm trái pháp luật; làm lộ bí mật điều tra vụ án; can thiệp trái pháp luật vào việc điều tra vụ án hình sự;

+ Nghiêm cấm bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

+ Nghiêm cấm cản trở người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can thực hiện quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa, trợ giúp pháp lý; quyền khiếu nại, tố cáo; quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự;

+ Nghiêm cấm cản trở người bào chữa, người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện việc bào chữa, trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

(4) Cấm tra tấn trong tạm giữ, tạm giam

Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định khá đồng bộ để đảm bảo cấm tra tấn, gồm: 5 nguyên tắc nhằm đảm bảo quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam đúng quy định pháp luật, bảo đảm chính sách nhân đạo của Nhà nước Việt Nam (Điều 4); 7 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong thi hành tạm giữ, tạm giam (Điều 8); 10 nhóm quyền và 2 nhóm nghĩa vụ của người bị tạm giữ, tạm giam (Điều 9); kiểm soát hoạt động quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam (Điều 6); giám sát việc thực hiện chế độ giam giữ, tạm giam (Điều 7)... Trong đó, những hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam) là:

+ Tra tấn, truy bức, dùng nhục hình; các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hoặc bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

+ Không chấp hành lệnh, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về tạm giữ, tạm giam, trả tự do.

+ Giam giữ người trái pháp luật; trả tự do trái pháp luật người bị tạm giữ, người bị tạm giam; vi phạm quy định trong quản lý, canh gác, áp giải người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

+ Cản trở người bị tạm giữ, người bị tạm giam thực hiện quyền thăm gặp thân nhân, quyền bào chữa, được trợ giúp pháp lý, tiếp xúc lãnh sự, khiếu nại, tố cáo, quyền con người, quyền và nghĩa vụ khác của công dân theo quy định của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và luật khác có liên quan.

+ Thực hiện hoặc tổ chức, kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, che giấu, ép buộc người khác vi phạm pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; trả thù, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác trong thi hành tạm giữ, tạm giam.

Bên cạnh đó, nhà tạm giữ, trại tạm giam còn tăng cường các biện pháp cảm hóa, giáo dục và xử lý nghiêm khắc mọi trường hợp vi phạm nội quy buồng giam, chủ động phát hiện ngăn chặn và loại trừ các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của người bị tạm giữ, tạm giam.

(5) Cấm tra tấn trong thi hành án

Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định 8 nguyên tắc thi hành án hình sự (Điều 4), đồng thời, cũng quy định 11 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong thi hành án hình sự tại Điều 10, trong đó có quy định về việc cấm tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục người chấp hành án, biện pháp tư pháp (khoản 8 Điều 10).

(6) Trong các lĩnh vực khác: Khiếu nại, tố cáo, bồi thường, tái hòa nhập cộng đồng... có liên quan đến việc thực thi Công ước chống tra tấn

- Luật Tố cáo năm 2018 quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và hành vi vi phạm pháp luật khác về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; bảo vệ người tố cáo; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc quản lý công tác giải quyết tố cáo. Điều tra viên, cán bộ điều tra, cán bộ, chiến sĩ Công an cần phải nghiêm chỉnh chấp hành Luật Tố cáo. Việc thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Luật Tố cáo sẽ góp phần thực hiện tốt các yêu cầu của Công ước chống tra tấn trong một số vấn đề có liên quan tới hoạt động công vụ của lực lượng Công an.

Nghiêm cấm các hành vi: Cản trở, gây khó khăn, phiền hà cho người tố cáo; thiếu trách nhiệm, phân biệt đối xử trong việc giải quyết tố cáo; tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và thông tin khác làm lộ danh tính của người tố cáo; làm mất, làm sai lệch hồ sơ, tài liệu vụ việc tố cáo trong quá trình giải quyết tố cáo; không giải quyết hoặc cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc giải quyết tố cáo để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây phiền hà cho người tố cáo, người bị tố cáo; đe dọa, mua chuộc, trả thù, trù dập, xúc phạm người tố cáo...

- Luật Khiếu nại năm 2011 quy định việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại phải được thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời (Điều 4); nghiêm cấm cản trở, gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại; đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại... (Điều 6). Trong đó lưu ý tới các hành vi bị cấm như: Cản trở,

gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại; đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại. Thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại; không giải quyết khiếu nại; làm sai lệch các thông tin, tài liệu, hồ sơ vụ việc khiếu nại; cố ý giải quyết khiếu nại trái pháp luật. Bao che cho người bị khiếu nại; can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại.

- Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017 quy định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng hình sự, dân sự và thi hành án. Khi thực hiện các hành vi tổ tụng điều tra viên, cán bộ điều tra trong Công an nhân dân cần lưu ý không được thực hiện các hành vi trái pháp luật gây thiệt hại về vật chất và tinh thần cho người bị bắt, bị can, bị cáo. Việc hiểu biết sâu sắc về Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước sẽ nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ chiến sĩ Công an trong thực thi công vụ.

- Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác” (Điều 584). Thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ bao gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần. Thiệt hại về vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được, bao gồm tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút. Thiệt hại về tinh thần là tổn thất về tinh thần do bị xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín và các lợi ích nhân thân khác của một chủ thể (Điều 361).

- Nghị quyết số 96/2015/QH13 ngày 26/6/2015 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tổ tụng hình sự, trong đó đã chỉ rõ khi đã xác định có oan, sai thì phải kịp thời minh oan cho người bị oan, bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định pháp luật; xử lý nghiêm minh đối với người mắc sai phạm, xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; xử lý trách nhiệm liên đới của người đứng đầu cơ quan gây nên oan, sai, để xảy ra bức cung, dùng nhục hình.

Có thể nói, những khuôn khổ pháp lý về chống tra tấn trong hệ thống pháp luật Việt Nam tương đối phù hợp với các quy định của Công ước

Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người (Công ước chống tra tấn). Việc nhận thức rõ và ghi nhớ các quy định này sẽ giúp cho cán bộ, chiến sĩ hạn chế được các vi phạm trong thi hành công vụ.

2. Hiểu biết về thủ tục, kế hoạch thực hiện

Sự hiểu biết thành thạo, tuân thủ tuyệt đối pháp luật về các thủ tục trong hoạt động tố tụng hình sự và những quy trình thủ tục trong quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo người phạm tội là một yêu cầu cần thiết để không có vi phạm về tra tấn, các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Để đảm bảo cho các hoạt động của cán bộ, chiến sĩ, đặc biệt là điều tra viên tuân thủ các quy định pháp luật, việc lên Kế hoạch hành động là yêu cầu tất yếu, trong đó vạch ra các quy trình, thủ tục, các bước phải thực hiện, là một “liệt kê” theo trình tự và các yêu cầu phải đảm bảo của các hoạt động và được cấp trên phê duyệt trước khi được triển khai trên thực tế.

Trình tự, thủ tục trong lĩnh vực tố tụng hình sự được quy định rất chặt chẽ trong Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Tuy nhiên để phòng ngừa những vi phạm có thể xảy ra trong hoạt động tố tụng hình sự thì điều tra viên, cán bộ điều tra cần phải hình thành kỹ năng trong thực thi công vụ trong hoạt động tố tụng.

Điều tra viên, cán bộ điều tra cần nắm vững và tuân thủ tuyệt đối các yêu cầu pháp luật về trình tự, thủ tục khi thực hiện các hoạt động tố tụng, đảm bảo tôn trọng các quyền của những người tham gia tố tụng: Người tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố; người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố; người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; người bị bắt; người bị tạm giữ; bị can; bị cáo; bị hại; nguyên đơn dân sự; bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng; người chứng kiến; người giám định; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố; người đại diện theo pháp luật của pháp nhân phạm tội, người đại diện khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều tra viên, cán bộ điều tra cũng cần tuân thủ tuyệt đối trình tự, thủ tục luật định trong áp dụng các biện pháp ngăn chặn, cụ thể là: việc áp dụng

biện pháp ngăn chặn phải luôn dựa trên căn cứ pháp luật, theo đúng thẩm quyền và cần tuân thủ tuyệt đối trình tự, thủ tục do luật định.

Biểu mẫu, giấy tờ sổ sách trong tố tụng hình sự được quy định rõ trong hệ thống mẫu (*Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an*).

Điều tra viên, cán bộ điều tra trong Công an nhân dân phải tuân thủ trình tự, thủ tục hỏi cung bị can, lấy lời khai của người làm chứng:

- Việc hỏi cung bị can do điều tra viên tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can. Có thể hỏi cung bị can tại nơi tiến hành điều tra hoặc tại nơi ở của người đó. Trước khi hỏi cung bị can, Điều tra viên phải thông báo cho kiểm sát viên và người bào chữa thời gian, địa điểm hỏi cung. Khi xét thấy cần thiết, kiểm sát viên tham gia việc hỏi cung bị can.

- Trước khi tiến hành hỏi cung lần đầu, Điều tra viên phải giải thích cho bị can biết rõ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Việc này phải ghi vào biên bản.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can thì hỏi riêng từng người và không để họ tiếp xúc với nhau. Có thể cho bị can viết bản tự khai của mình.

- Không hỏi cung bị can vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn được nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

- Điều tra viên, cán bộ điều tra, kiểm sát viên, kiểm tra viên bức cung, dùng nhục hình đối với bị can thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

- Việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

- Việc hỏi cung bị can tại địa điểm khác được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo yêu cầu của bị can hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

*** Thảo luận tình huống**

Trường hợp của Gäfgen kiện Đức tháng 6 năm 2010 (Tòa án nhân quyền châu Âu)

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2002, G dụ dỗ đưa con trai 11 tuổi của một gia đình ngân hàng giàu có vào căn hộ của mình. G dụ dỗ cậu bé vì G là người quen của chị gái cậu bé, G dụ dỗ cậu bé vào căn hộ của mình bằng cách giả vờ rằng chị gái cậu bé đã để quên một chiếc áo khoác. G giết chết cậu bé bằng cách làm cho cậu bé nghẹt thở, và anh ta giấu xác gần một cái ao cách căn hộ của mình khoảng một giờ lái xe. Sau đó, anh ta gửi cho cha mẹ cậu bé một thư tổng tiền nói rằng cậu bé đã bị bắt cóc và đòi một triệu euro. Thư tổng tiền cũng đề cập rằng nếu những kẻ bắt cóc nhận được tiền chuộc và rời khỏi đất nước, thì bố mẹ cậu bé sẽ gặp lại con trai mình.

Ba ngày sau, G nhận được tiền chuộc tại một trạm xe điện. Từ đó, anh ta bị cảnh sát theo dõi. Chiều hôm đó anh ta bị bắt tại sân bay. Trong khi bắt, cảnh sát đã ghì anh ta xuống đất, đánh ngất và gây thương tích nhỏ trên da. G bị đưa đến đồn cảnh sát để thẩm vấn. Anh ta được nhân viên điều tra X thông báo rằng anh ta bị nghi bắt cóc cậu bé và được hướng dẫn về các quyền của mình, bao gồm quyền giữ im lặng và hỏi ý kiến luật sư. Sau đó anh ta bị nhân viên điều tra X thẩm vấn để nỗ lực tìm kiếm nạn nhân. Anh ta đã có một cuộc nói chuyện 30 phút với một luật sư, sau đó anh ta nói rằng hai người khác đã bắt cóc cậu bé và giấu cậu bé trong một túp lều bên hồ.

Ngày hôm sau, khi cảnh sát chưa tìm ra cậu bé và trước khi nhân viên điều tra X đến văn phòng, D (Phó cảnh sát trưởng) đã ra lệnh cho một sĩ quan điều tra khác là E, đe dọa G rằng anh ta sẽ phải chịu đau đớn nếu không tiết lộ cậu bé đang ở đâu, và nếu cần thiết có thể làm cho anh ta đau đớn mà không để lại bất kỳ thương tích nào và sẽ được thực hiện dưới sự giám sát y tế. Trước đây D đã từng ra lệnh cho các sĩ quan khác làm như vậy, nhưng họ đã từ chối. Tuy nhiên, sĩ quan E đã thực hiện hành vi đe dọa G rằng nếu anh ta không tiết lộ vị trí của cậu bé, một chuyên gia đang trên đường đến đồn cảnh sát bằng trực thăng (E, cũng bắt chước âm thanh của một chiếc trực thăng), sẽ gây ra nỗi đau không thể chịu được mà anh chưa từng trải qua trước đây và không để lại bất kỳ dấu vết nào. Khoảng 10 phút sau, G tiết lộ vị trí của cái xác. G sau đó được đưa đến vị trí đó. Sau khi trở về từ địa điểm, và dưới sự thẩm vấn của một sĩ quan, G thú nhận đã bắt cóc và giết chết cậu bé. G đã xác nhận lời thú tội của mình tại tòa vào tháng 1/2003.

Câu hỏi:

1. Điều gì đã xảy ra trong trường hợp này?

2. Quan điểm của bạn về các hành động của các nhân viên cảnh sát liên quan là gì?

a. Phó Cảnh sát trưởng D

b. Sĩ quan E

3. Theo Công ước chống tra tấn, trong tình huống này đe dọa nghi phạm bằng tra tấn có hợp lý hay không? Tại sao và tại sao không? Hành vi của điều tra viên E đã làm có cấu thành vi phạm pháp luật?

4. Cảnh sát nên hành động như thế nào trong tình huống này?

3. Kiểm soát cảm xúc

a) Nhận thức chung

Cảm xúc, tư tưởng của điều tra viên, cán bộ điều tra khi thực hiện nhiệm vụ là một yếu tố chủ quan tác động rất lớn đến hiệu quả và kết quả của hoạt động công vụ. Để đảm bảo hoàn thành được hoạt động công vụ một cách khách quan, cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân, đặc biệt là cán bộ điều tra, người quản lý giam giữ cần kiểm soát được các cơn giận giữ của mình, kiềm chế được cảm xúc, tránh để cảm xúc “bùng nổ” dễ dẫn đến các hành vi bị cấm trong thi hành công vụ. Quan trọng là mỗi người chiến sĩ Công an nhân dân, điều tra viên phải luôn làm chủ được cảm xúc của mình, tỉnh táo trong mọi trường hợp để đảm bảo thực hiện các hành vi đúng mực, hoàn thành hiệu quả công vụ vì các “cơn giận dữ” này có thể do “đối tượng” cố ý hoặc vô ý gây ra đối với cán bộ, chiến sĩ thực thi công vụ; cũng có thể do một việc bên ngoài xảy ra, có thể tác động đến cảm xúc của cán bộ, chiến sĩ trong quá trình thực hiện công vụ

b) Cách để kiểm soát cảm xúc

Nhận biết: Làm thế nào nhận biết sự tức giận? Đó là một cảm giác tự nhiên: Tức giận là một phản ứng với một kích thích bên ngoài; sự tức giận thể hiện ở bên trong (tăng hoặc giảm bởi suy nghĩ và phản ứng cảm xúc của chính bạn); sự tức giận có thể tác động đến hành vi theo những cách khác nhau (cách đúng hoặc sai).

Chấp nhận: Tôi đang cảm thấy giận dữ

Tìm hiểu: Tại sao tôi lại tức giận? Hãy suy nghĩ trong một phút và viết ra hoặc ghi ra trong tâm trí của bạn ba điều khác nhau đôi khi có thể khiến bạn tức giận. Có thể là: Xung đột/ giận dữ xảy ra trước đó hoặc chưa

được giải quyết; căng thẳng hoặc oán giận kéo dài; mệt mỏi; vấn đề cá nhân; sử dụng rượu; đối tượng khiêu khích...

- Kiểm soát cảm xúc: Bạn không thể kiểm soát người khác, nhưng bạn có thể kiểm soát chính mình

+ Loại bỏ nguồn gốc của sự tức giận: Tránh ra ngoài một lát để bình tĩnh lại

+ Tự kiểm soát: Chiếm lấy một tư thế vững chắc nhưng thoải mái. Thở một cách có ý thức, từ từ, qua bụng. Hồi ức về các sự kiện dẫn đến tình huống

Minh họa:

1) Chiếu một đoạn phim ngắn về khiêu khích của đối tượng và cách điều tra viên xử lý tình huống trong trường hợp này; hoặc

2) Cho các học viên tổ chức nhóm, đóng vai và tự nghĩ ra lời thoại để gây nên sự tức giận và cách xử lý

Một số câu hỏi gợi ý:

- Bạn nghĩ gì về tình huống như vậy?
- Bạn đã bao giờ gặp phải trường hợp như thế này trong thực tế?
- Tình huống này làm cho bạn cảm thấy thế nào?
- Bạn nghĩ gì về những hành động được thực hiện trong tình huống này bởi các bên khác nhau?
- Bạn sẽ phản ứng thế nào trong tình huống này?
- Bạn nghĩ cảnh sát nên hành động như thế nào trong tình huống này?
- Khi bạn thấy một tình huống như vậy xảy ra trong công an khu vực bạn, bạn sẽ làm gì?
- Những đe dọa này có cấu thành tra tấn hoặc đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người?
- Bạn có thể chỉ ra những vi phạm (nếu có) đã được thực hiện trong trường hợp này không?

Tình huống A: Vụ án của Việt Nam năm 2017

A và B là điều tra viên được giao lấy lời khai của N. Do bị can N không khai báo, A đã bảo C đi mua cá trạch về sau đó A đổ vào trong quần lót của N. B có hành vi lấy dây nilong buộc hai bên đầu gối phía ngoài quần của N và lấy dùi cui cao su gõ vào hai đầu gối, mắt cá chân của N.

Tại bản án số 37/2016/HSST ngày 31/8/2016, Tòa án nhân dân tỉnh X tuyên A và B phạm tội “Dùng nhục hình” và xử phạt A 30 tháng tù giam; B 24 tháng tù giam. Do có kháng cáo của A, B và đơn của N đề nghị giảm hình phạt cho 2 bị cáo, tại Bản án hình sự số 850/2017/HSPT ngày 12/12/2017, Tòa án nhân dân cấp cao đã sửa bản án hình sự sơ thẩm và tuyên A, B phạm tội “Dùng nhục hình”; tuyên A 24 tháng tù và B 18 tháng tù.

Câu hỏi:

1. Bạn nghĩ gì về cách hành động của các điều tra viên trên? Đã tuân thủ quy định của pháp luật chưa?
2. Bạn sẽ phản ứng thế nào trong tình huống này: Nếu bạn là người bị lấy lời khai? Nếu bạn là điều tra viên?
3. Bạn nghĩ bản án đã tương xứng chưa?

Tình huống B: Vụ án của Tòa nhân quyền châu Âu 2014 (Tali kiện Estonia)

T trước đó đã bị kết án chung thân trên cơ sở các bản án trong quá khứ về tội giết hai người và cố gắng ngộ sát người khác. Hơn nữa, anh ta đã có nhiều tiền án về việc tấn công các sĩ quan nhà tù và các tù nhân khác. Ngoài ra, rất nhiều hình phạt kỷ luật đã được áp dụng cho anh ta trong tù vì đã không tuân theo mệnh lệnh và đe dọa các sĩ quan cảnh sát. Trong các kế hoạch hoạt động cá nhân được xây dựng trong hai nhà tù, T được mô tả là một người nguy hiểm thiếu tự chủ và có khả năng tấn công người khác.

Ngày thứ nhất

Vào ngày 3 tháng 7 năm 2009, cai ngục KA thông báo cho T rằng anh ta sẽ được chuyển đến một phòng trừng phạt vào buổi tối để phục vụ hình phạt kỷ luật. T không hài lòng và trả lời rằng anh ta sẽ tự vệ nếu bị tấn công bất hợp pháp. Cuối ngày hôm đó, KA và hai lính canh khác, MN và JT, đã đến phòng giam của T. Trong quá trình T chuyển đến phòng giam khác, lính canh đã sử dụng thiết bị phòng thủ (KA có khiên nhựa và MN và JT mặc áo khoác và mũ bảo hiểm) và gây áp lực, trong quá trình đó T cũng chống lại

và bị thương. Các y tá kiểm tra T và nghi ngờ rằng anh ta bị gãy xương sườn và cần nằm yên cho đến khi chụp X-quang và chỉ định đặt một tấm đệm trong phòng giam. Một người bảo vệ nói với các y tá rằng cần có giấy chứng nhận y tế để giữ một tấm thảm trong phòng giam suốt ngày đêm. Theo T, các y tá đã xác nhận và cấp giấy chứng nhận .

Ngày thứ hai

Vào ngày 4 tháng 7, một người bảo vệ đã vào phòng giam của T và bảo anh ta giao nộp tấm nệm. T giải thích rằng các y tá đã đưa cho một giấy chứng nhận và anh ta cần tấm đệm vì anh ta bị gãy một xương sườn, người bảo vệ rời đi. Vài giờ sau, bốn lính gác (AR, VG, RT, OV) đã vào phòng giam của T và bảo anh ta giao lại tấm nệm. Có một cuộc thảo luận kéo dài trong đó T yêu cầu được gặp sĩ quan cao cấp. Cảnh sát AR cảnh báo T rằng vũ lực có thể được sử dụng nếu cần thiết. Các lính canh rời đi và trở về sau mười lăm phút. Sáu lính canh đã đến phòng giam của T, AR và VG bước vào và bốn người vẫn đứng ở hành lang hoặc đứng trước cửa phòng giam. Theo T, AR. đã đến gần anh ta, nắm lấy bàn tay trái của anh ta và nói với anh ta rằng họ sẽ lấy tấm đệm từ anh ta. T hất tay AR ra và VG bắt ngờ xịt hơi cay vào mặt T. Trong khi AR. đã cố gắng để khóa cánh tay của T. T chạy ra khỏi phòng giam che mặt bằng tay. Một số lính canh tấn công anh ta từ phía sau và T bị ép xuống sàn. Anh ta liên tục bị đánh bằng dùi cui ở phía sau sau khi bị còng tay. Anh ta được kéo lên khỏi sàn và đưa đến phòng an ninh. T sau đó bị trói vào giường giam trong gần bốn giờ. Các lính canh đã kiểm tra T hàng giờ để xác định xem anh ta có đủ bình tĩnh để được thả ra hay không. Anh ta được nhân viên y tế kiểm tra hai lần và phát hiện ra rằng T đã bị chảy máu bên trong và gãy xương sườn.

Câu hỏi:

1. Bạn nghĩ gì về cách mà các bảo vệ trại giam đã hành động vào ngày 1?
2. Bạn nghĩ gì về cách mà bảo vệ trại giam đã hành động vào ngày 2?
3. Có hành động nào của các bảo vệ trại giam vi phạm Công ước chống tra tấn không?
4. Bạn sẽ làm điều gì khác với hành động của người bảo vệ trại giam?

4. Làm chủ trang thiết bị

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định bắt buộc phải ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong hỏi cung bị can. Đây là một trong quy định nhằm bảo đảm quyền của bị can và cũng là phương thức giám sát hiệu quả, chống bức cung, nhục hình, vi phạm pháp luật trong quá trình hỏi cung bị can.

Việc quy định bắt buộc phải ghi âm hoặc ghi hình trong hỏi cung bị can không những chỉ bảo đảm quyền con người mà còn tăng cường giám sát hoạt động tố tụng tư pháp, buộc các cơ quan tư pháp phải thận trọng, khách quan, không lạm quyền của những người tiến hành tố tụng, từ đó hạn chế oan, sai. Các cuộc hỏi cung được ghi âm, ghi hình có âm thanh là chứng cứ của vụ án, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh hành vi phạm tội, xác định sự thật khách quan của vụ án, góp phần nâng cao trách nhiệm tranh tụng tại phiên tòa sau này. Đối với luật sư thì tài liệu ghi âm, ghi hình có âm thanh sẽ là bằng chứng để tham gia bào chữa cho bị can, bị cáo. Hơn nữa, việc ghi âm, ghi hình có âm thanh còn mang lại hiệu quả là để cho người tiến hành tố tụng không bị vu cáo trong quá trình hỏi cung, là cơ sở để người có thẩm quyền ra các quyết định điều tra, mở rộng vụ án trong những vụ án phức tạp, có nhiều người có hành vi phạm tội nhưng các bị can không nhận tội, đổ lỗi cho nhau, bảo đảm tính khách quan của vụ án.

Ngày 01/02/2018, Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP hướng dẫn về trình tự; thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

- Nguyên tắc thực hiện việc ghi âm ghi hình

+ Việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch, nguyên vẹn của dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh. Dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh là một bộ phận của hồ sơ vụ án hình sự được sử dụng, bảo quản, lưu trữ theo quy định của pháp luật về sử dụng, bảo quản và lưu trữ hồ sơ vụ án hình sự.

+ Việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sử dụng, bảo quản, lưu trữ, kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố,

xét xử phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và theo đúng trình tự, thủ tục hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP.

+ Bảo đảm tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Những hành vi bị nghiêm cấm khi thực hiện ghi âm ghi hình*

+ Tự ý chỉnh sửa, cắt, ghép, giả mạo, hủy trái phép, làm sai lệch, làm hư hỏng, làm thất lạc dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sao chép, phát tán, khai thác, sử dụng kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh ngoài các mục đích quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư liên tịch này; làm lộ, lọt thông tin vụ án hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp, uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Phá hủy cơ sở vật chất, cố ý làm hư hỏng hoặc sử dụng không đúng mục đích các phương tiện, thiết bị kỹ thuật sử dụng để ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

+ Người thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Ghi âm, ghi hình có âm thanh là một bước tiến mới trong thủ tục tố tụng hình sự của nước ta. Tuy các cán bộ còn nhiều lúng túng trong sử dụng, vận dụng các trang thiết bị này nhưng việc đưa ra lộ trình lắp đặt các thiết bị ghi âm, ghi hình có âm thanh phục vụ công tác điều tra, giam, giữ đã một lần nữa thể hiện sự kiên quyết của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh phòng, chống tra tấn. Vì vậy, các cán bộ, chiến sĩ cần nghiêm túc tuân thủ và nhanh chóng làm chủ các trang thiết bị để phục vụ công tác tốt hơn.

DANH MỤC
CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CHÍNH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

STT	Tên điều ước quốc tế	Ngày thông qua	Ngày có hiệu lực	Ngày Việt Nam tham gia
1	Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị	16/12/1966	23/3/1976	24/9/1982
1.1	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị	16/12/1966	23/3/1976	
1.2	Nghị định thư không bắt buộc thứ 2 bổ sung Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị về việc bãi bỏ hình phạt tử hình	15/12/1989	11/7/1991	
2	Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa	16/12/1966	3/1/1976	24/9/1982
3	Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ	18/12/1979	3/9/1981	17/12/1982
3.1	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ	10/12/1999	22/12/2000	
4	Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc	21/12/1965	4/1/1969	9/6/1982
5	Công ước về quyền trẻ em	20/11/1989	2/9/1990	28/2/1990

5.1	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung công ước về quyền trẻ em, về việc lôi cuốn trẻ em tham gia xung đột vũ trang	25/5/2000	12/2/2002	20/12/2001
5.2	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung công ước về quyền trẻ em, về việc buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em	25/5/2000	18/1/2002	20/12/2001
6	Công ước về quyền của người khuyết tật	13/12/2006	3/5/2008	05/2/2015
7	Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người	10/12/1984	26/6/1987	05/02/2015
7.1	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người	18/12/2002	22/6/2006	
8	Công ước về bảo vệ mọi người khỏi bị cưỡng bức	06/02/2007	23/12/2010	
9	Công ước về quyền của người lao động di cư và thành viên gia đình họ	18/12/1990	01/7/2003	